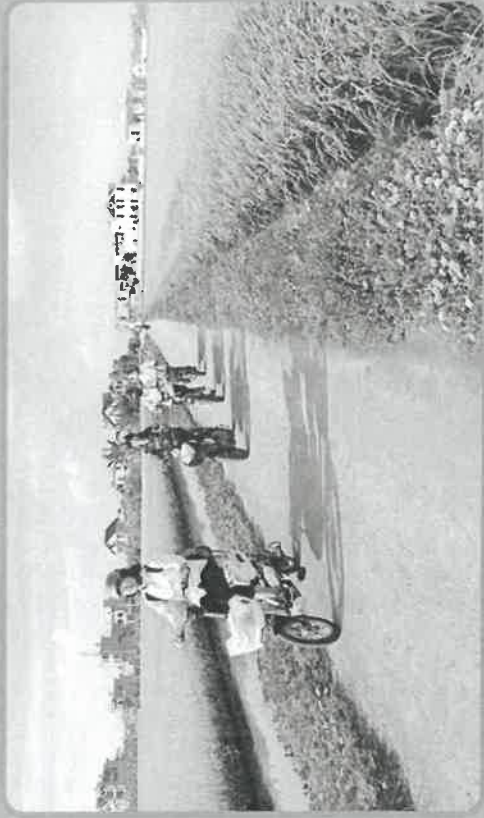


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
SỞ TƯ PHÁP



# TÌNH HUỐNG VÀ GIẢI ĐÁP VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

TÌNH HUỐNG VÀ GIẢI ĐÁP VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT



THÁI NGUYÊN, NAM 2024





ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
**SỞ TƯ PHÁP**



**TÌNH HUỐNG VÀ GIẢI ĐÁP**  
**VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ,**  
**HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

**THÁI NGUYÊN, NĂM 2024**



## **TÌNH HUỐNG ĐỐI VỚI CÁC VẤN ĐỀ CHUNG**

**1. Khi triển khai Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định 25/2021/QĐ-TTg trong nội bộ xã A có nhiều ý kiến khác nhau về ý nghĩa tầm quan trọng của công tác này. Để thống nhất quan điểm việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật có mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng như thế nào với tư cách là người tham mưu trong công tác Tư pháp bạn hãy giúp xử lý tình huống trên.**

### **Trả lời:**

Việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thông qua 05 tiêu chí và 20 chỉ tiêu của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg có mục đích, ý nghĩa quan trọng trước yêu cầu tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật, góp phần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, cụ thể như sau:

- Đánh giá mức độ hoàn thành trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong thực hiện các nhiệm vụ được giao, nhất là những lĩnh vực trực tiếp gắn với quyền, lợi ích của người dân. Qua đó bảo đảm tính nghiêm minh, tính gương mẫu, thượng tôn pháp luật trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội của chính quyền cấp xã, nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp hành chính gần dân nhất, hiểu dân nhất để phục vụ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân.

- Từ kết quả đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hàng năm, chính quyền cấp xã có điều kiện nhận diện tổng thể, toàn diện, kịp thời những mặt được, mặt còn hạn chế, khó khăn

trong tổ chức triển khai các nhiệm vụ. Đây là cơ sở giúp chính quyền cấp xã có giải pháp khắc phục, xử lý kịp thời, phù hợp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng trong hoạt động của chính quyền cấp xã; thúc đẩy thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa theo phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng.

**2. Để triển khai công tác đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, một số địa bàn cấp xã đã phân công trách nhiệm cho công chức Văn phòng - Thống kê trong việc theo dõi, đánh giá, chấm điểm, đề xuất giải pháp thực hiện Tiêu chí 4 về “Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn” theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP. Đề nghị cho biết việc phân công nhiệm vụ cho công chức chuyên môn cấp xã nêu trên có bảo đảm đúng quy định pháp luật không?**

**Trả lời:**

Điểm a khoản 4 Điều 6 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định: “Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo, hướng dẫn triển khai xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quy định này tại địa phương, phân công cơ quan chuyên môn và công chức làm đầu mối theo dõi, tham mưu thực hiện...”. Vì vậy, trên cơ sở các quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cho các công chức chuyên môn theo dõi, đánh giá, chấm điểm các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật gắn với các nhiệm vụ và lĩnh vực chuyên môn mà công chức đang đảm nhiệm, bảo đảm các chỉ tiêu, tiêu chí đều có đầu mối theo dõi, đánh giá, chấm điểm.

Theo Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

phổ. Trong đó, tại điểm b khoản 3 Điều 2 quy định nhiệm vụ của công chức Văn phòng – Thống kê: “Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tiếp dân; thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông”, xây dựng chính quyền điện tử; kiểm soát thủ tục hành chính, tập hợp, thống kê và quản lý cơ sở dữ liệu theo các lĩnh vực trên địa bàn; nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo và chuyển đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xem xét, giải quyết theo thẩm quyền; tổng hợp, theo dõi, báo cáo việc thực hiện quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật”

Vì vậy, đối với tiêu chí “thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn” theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP, việc phân công cho công chức Văn phòng – Thống kê làm đầu mối theo dõi, tổng hợp, đánh giá, chấm điểm là phù hợp.

**3. Ban lãnh đạo xã A khi triển khai việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg đã lúng túng khi nhận diện các đối tượng cần đánh giá. Hãy cho biết công tác này được áp dụng đối với đối tượng nào?**

**Trả lời:**

Trước hết, xã, phường, thị trấn là đối tượng được đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Đây là đơn vị hành chính nhỏ nhất trong hệ thống các đơn vị hành chính, chính quyền địa phương cấp xã là cấp hành chính gần dân nhất, hiểu dân nhất.

Việc tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật của chính quyền địa phương cấp xã có ảnh hưởng trực tiếp, thường

xuyên, liên tục đến cuộc sống hàng ngày và quyền, lợi ích của người dân.

Bên cạnh đó, việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật còn có trách nhiệm, sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Trong đó bao gồm các chủ thể tham gia trực tiếp vào việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, công chức cấp xã, cấp huyện được phân công nhiệm vụ đánh giá, công nhận xã phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật), các chủ thể tham gia chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn như Bộ Tư pháp, các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

**4. Vì chưa được tập huấn nên khi được hỏi về Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật như thế nào, một công chức Văn phòng của xã D đã không giải thích được chính xác. Vậy cụ thể vấn đề này như thế nào?**

**Trả lời:**

Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định có 05 tiêu chí và 20 chỉ tiêu đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, cụ thể như sau:

- **Tiêu chí 1:** Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn gồm 2 chỉ tiêu:

+ Chỉ tiêu 1: Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao;



## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

+ Chỉ tiêu 2: Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân.

- **Tiêu chí 2:** Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật gồm 6 chỉ tiêu:

+ Chỉ tiêu 1: Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn

+ Chỉ tiêu 2: Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin;

+ Chỉ tiêu 3: Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật;

+ Chỉ tiêu 4: Triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở;

+ Chỉ tiêu 5: Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật;

+ Chỉ tiêu 6: Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật.

- **Tiêu chí 3:** Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý gồm 3 chỉ tiêu:

+ Chỉ tiêu 1: Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

+ Chỉ tiêu 2: Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

+ Chỉ tiêu 3: Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý.

- **Tiêu chí 4:** Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn gồm 5 chỉ tiêu:

+ Chỉ tiêu 1: Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương;

+ Chỉ tiêu 2: Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

+ Chỉ tiêu 3: Tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

+ Chỉ tiêu 4: Tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

+ Chỉ tiêu 5: Tổ chức để Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

- **Tiêu chí 5:** Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội gồm 4 chỉ tiêu

+ Chỉ tiêu 1: Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo;

+ Chỉ tiêu 2: Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính;

+ Chỉ tiêu 3: Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

+ Chỉ tiêu 4: Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

**5. Vào thời điểm năm đầu tiên tổ chức đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, xã N lúng túng trong việc xác định nguyên tắc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, với tư cách là công chức tham mưu về công tác này ở cấp huyện đề nghị giúp xã N nhận thức đúng về vấn đề này.**

**Trả lời:**

Đề bảo đảm tổ chức triển khai đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được đồng bộ, thống nhất, đúng mục đích, Điều 2 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định 03 nguyên tắc thực hiện như sau:

1. Lấy người dân làm trung tâm trong việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan, công bằng, đúng quy định pháp luật.

3. Việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng cường dân chủ ở cơ sở, vận động Nhân dân thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

**6. Đề nghị cho biết để đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, xã, phường, thị trấn phải đáp ứng những điều kiện cụ thể nào?**

Xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi có đủ 03 điều kiện sau đây:

Thứ nhất, tổng số điểm của các tiêu chí đạt từ 80 điểm trở lên. Điều kiện này được áp dụng chung cho tất cả các đơn vị cấp xã, không dựa vào sự phân loại cấp xã loại I, loại II, loại III theo Nghị

quyết số 1211/NQ-UBTVQH ngày 25/5/2016. Qua đó đảm bảo sự công bằng trong thực hiện trách nhiệm được giao của chính quyền cấp xã và sự thụ hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp của người dân tại các vùng, miền, địa bàn khác nhau.

Thứ hai, tổng số điểm của từng tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên. Theo đó Tiêu chí 1 đạt từ 5 điểm trở lên; Tiêu chí 2 đạt từ 15 điểm trở lên; Tiêu chí 3 đạt từ 7.5 điểm trở lên; Tiêu chí 4 đạt từ 10 điểm trở lên; Tiêu chí 5 đạt từ 12.5 điểm trở lên.

Thứ ba, trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Theo đó người đứng đầu cấp ủy, chính quyền bao gồm Bí thư Đảng ủy cấp xã, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

**7. Theo kết quả tự chấm điểm của xã S, tổng số điểm của mỗi tiêu chí tiếp cận pháp luật đều đạt trên 50% số điểm tối đa. Tuy nhiên, có một số chỉ tiêu thuộc Tiêu chí 2 lại đạt điểm số dưới 50% số điểm tối đa của chỉ tiêu đó (Ví dụ: Chỉ tiêu 1 của Tiêu chí 2 chỉ đạt 2 điểm, khoảng 33% so với số điểm tối đa của chỉ tiêu là 6 điểm). Xin hỏi, trong trường hợp này xã S có bảo đảm điều kiện “Tổng số điểm của từng tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên” hay không?**

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 4 Quyết định 25/2021/QĐ-TTg quy định điều kiện về số điểm của từng tiêu chí là “Tổng số điểm của từng tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên”, nghĩa là không yêu cầu điểm số của từng chỉ tiêu trong tiêu chí đó phải đạt từ 50% điểm số đa trở lên. Theo đó, nếu các tiêu chí có chỉ tiêu đạt điểm số

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

dưới 50% số điểm nhưng tổng số điểm của tiêu chí không dưới 50% số điểm tối đa thì vẫn đáp ứng điều kiện này.

Đối với trường hợp của xã S, một số chỉ tiêu của Tiêu chí 2 có điểm số đạt dưới 50% số điểm tối đa của chỉ tiêu đó nhưng tổng điểm của các tiêu chí (trong đó có Tiêu chí 2) đều đạt trên 50% số điểm tối đa thì vẫn đáp ứng điều kiện “Tổng số điểm của từng tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên”.

**8. Xã S khi triển khai đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật đã lúng túng khi xác định thời hạn đánh giá, công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật, với tư cách là công chức Tư pháp cấp huyện đề nghị bạn hướng dẫn cho xã triển khai vấn đề này theo quy định.**

**Trả lời:**

Có 02 thời hạn có liên quan đến việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bao gồm:

- Thời hạn được tính để xác định, chấm điểm kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật: Tính từ ngày 01/01 đến 31/12 hằng năm.

Việc quy định thời hạn rà soát, đánh giá, chấm điểm, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật phù hợp với thời hạn thực hiện thống kê, báo cáo hàng năm của địa phương, giúp cho việc thống kê, báo cáo được thuận tiện, tiết kiệm thời gian, công sức, chi phí.

- Thời hạn thực hiện quy trình đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Đây là khoảng thời gian thực hiện các hoạt động rà soát, chấm điểm, đánh giá, đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Để tạo sự chủ động cho địa phương, Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg không quy định cụ thể thời hạn thực hiện của từng nhiệm vụ, hoạt động thực hiện quy trình (các địa phương có thể rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp

cận pháp luật theo tháng, quý, 06 tháng...) mà chỉ quy định thời điểm cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến Phòng Tư pháp cấp huyện (trước ngày 10/01 của năm liền kề sau năm đánh giá), thời điểm cấp huyện xem xét, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (trước ngày 10/02 của năm liền kề sau năm đánh giá).

**9. Khi triển khai Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, xã M lúng túng về trình tự thực hiện đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, là công chức phòng Tư pháp cấp huyện tham mưu về lĩnh vực này đề nghị hướng dẫn cụ thể cho xã M.**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTP, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (cấp xã) tổ chức triển khai việc tự chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu và đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy trình sau đây:

**Bước 1:** Các công chức chuyên môn cấp xã theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tự chấm điểm, tổng hợp kết quả; lấy ý kiến và tổng hợp kết quả đánh giá hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở; chuẩn bị tài liệu đánh giá; đề xuất giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế trong thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu (nếu có);

**Bước 2:** Xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu; thông tin, số liệu của Báo cáo đánh giá và Bản tổng hợp điểm số được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá, đối với chỉ tiêu 4 của tiêu chí 5 thì sử dụng kết quả công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an;

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

**Bước 3:** Niêm yết công khai dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn ít nhất 05 (năm) ngày; đăng tải trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử trong thời hạn ít nhất 05 (năm) ngày hoặc thông báo trên Đài truyền thanh cấp xã (nếu có) ít nhất 03 (ba) lần trong thời hạn ít nhất 05 (năm) ngày;

**Bước 4:** Tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ, khách quan ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân (nếu có) về Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu và các vấn đề khác liên quan đến việc chấm điểm, đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

**Bước 5:** Tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn. Cuộc họp do đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì. Thành phần cuộc họp bao gồm các công chức chuyên môn được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu; đại diện Công an cấp xã; đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; Trưởng thôn, làng, bản, ấp, buôn, bon, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn); Tổ trưởng tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu (sau đây gọi chung là tổ dân phố);

**Bước 6:** Căn cứ kết quả cuộc họp, nếu xã, phường, thị trấn đáp ứng đầy đủ các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định tại Điều 4 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg thì Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định tại khoản 4 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg (bằng bản giấy hoặc bản điện tử) đến Phòng Tư pháp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực

thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện) trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá.

Đối với xã, phường, thị trấn chưa đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu (bằng bản giấy hoặc bản điện tử) trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá để Phòng Tư pháp tổng hợp, lập danh sách xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**10. Sau cuộc họp đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A giao công chức Tư pháp – Hộ tịch hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Trong tình huống này công chức Hộ tịch – Tư pháp phải chuẩn bị những tài liệu gì?**

**Trả lời:**

Theo khoản 4 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bao gồm:

- Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.
- Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu.
- Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của tổ chức, cá nhân về kết quả tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu (nếu có).
- Văn bản đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;
- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Các biểu mẫu giấy tờ nêu trên được hướng dẫn cụ thể tại khoản 1 Điều 4 và Phụ lục II thông tư số 09/2021/TT-BTP. Theo đó, công chức Tư pháp – Hộ tịch có thể lồng ghép văn bản đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật vào Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Mẫu 01 Phụ lục II. Bản



## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu được thực hiện theo Mẫu 02 Phụ lục II; Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện theo mẫu 03 Phụ lục II. Các tài liệu khác có liên quan như: Phiếu lấy ý kiến, bản tổng hợp kết quả đánh giá về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở theo mẫu 04 Phụ lục II,...

Về tài liệu đánh giá, Phụ lục I Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định là căn cứ để Ủy ban nhân dân cấp xã xác định kết quả, điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu và không gửi kèm theo hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Trường hợp cần thiết, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp các tài liệu cụ thể phục vụ việc kiểm tra, đánh giá, thẩm định, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**11. Sau khi tổ chức tự đánh giá, chấm điểm, xã A xét thấy không đáp ứng đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do điểm số của tiêu chí 2 về Tiếp cận thông tin và phổ biến, giáo dục pháp luật (không đạt 50% số điểm tối đa của tiêu chí). Trường hợp này, xã A có phải lập đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg để gửi cho Phòng Tư pháp cấp huyện hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTP: “Căn cứ kết quả cuộc họp, nếu xã, phường, thị trấn đáp ứng đầy đủ các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định tại Điều 4 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg thì Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn

tiếp cận pháp luật quy định tại khoản 4 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg (bằng bản giấy hoặc bản điện tử) đến Phòng Tư pháp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện) trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá.

Đối với xã, phường, thị trấn chưa đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu (bằng bản giấy hoặc bản điện tử) trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá để Phòng Tư pháp tổng hợp, lập danh sách xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.”

Như vậy, nếu qua kết quả tự đánh giá mà xã A không đáp ứng các điều kiện công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì không phải lập hồ sơ gửi Phòng Tư pháp, nhưng xã A phải hoàn thiện Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên cơ sở cuộc họp đánh giá, chú trọng việc đề xuất các giải pháp thúc đẩy, phấn đấu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (theo mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP), trong đó mục IV Báo cáo ghi rõ: “Không đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật”, Bản tổng hợp điểm số các tiêu chí, chỉ tiêu (theo mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP) để Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**12. Theo quy định, Phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận, rà soát, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn. Xin hỏi, trong quá trình rà soát, kiểm tra hồ sơ, nếu phát hiện các kết quả, nội dung trong hồ sơ, tài liệu có mâu thuẫn hoặc chưa rõ**

**thì Phòng Tư pháp có được yêu cầu cấp xã giải trình, bổ sung làm rõ hay không?**

**Trả lời:**

Tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 09/2021/QĐ-TTg quy định “Phòng Tư pháp tiếp nhận, rà soát, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn; yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan (nếu có). Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu chậm nhất trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu;”.

Như vậy, trong quá trình tiếp nhận, rà soát, kiểm tra hồ sơ, nếu phát hiện hồ sơ còn chưa đầy đủ theo quy định thì Phòng Tư pháp có thể yêu cầu, đề nghị cấp xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp qua kiểm tra mà phát hiện hồ sơ, tài liệu có mâu thuẫn, chưa rõ hoặc có cơ sở, thông tin cho rằng kết quả tự đánh giá của cấp xã còn có nội dung chưa bảo đảm thì Phòng Tư pháp có thể tự mình yêu cầu hoặc đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân huyện cấp huyện yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc giải trình, bổ sung hồ sơ theo quy định.

**13. Nếu cấp xã thấy đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật mới gửi hồ sơ cho Phòng Tư pháp cấp huyện đề nghị xem xét quyết định công nhận. Pháp luật quy định Phòng Tư pháp lập Danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật có mục đích, ý nghĩa như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại điểm c khoản 2 Điều 3 Thông tư số 09/2021/QĐ-TTg quy định: “ Căn cứ kết quả tư vấn, thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Phòng Tư pháp hoàn thiện hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (bằng bản giấy hoặc bản điện

từ) xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Hồ sơ trình bao gồm: Hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường, thị trấn; Báo cáo thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật kèm theo biên bản cuộc họp hoặc Bản tổng hợp ý kiến thẩm định của thành viên Hội đồng (nếu không tổ chức cuộc họp); Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu của từng xã, phường, thị trấn do Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thẩm định; dự thảo Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật kèm theo danh sách xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và danh sách xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật”.

Về nguyên tắc, qua tự đánh giá nếu xã đủ các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì mới lập hồ sơ gửi cấp huyện xem xét, quyết định công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Nếu không đủ điều kiện xã vẫn phải báo cáo kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (kèm theo Bảng tổng hợp điểm số các tiêu chí, chỉ tiêu) và đề ra giải pháp để cải thiện, khắc phục. Việc Phòng Tư pháp cấp huyện lập danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp đề Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đồng thời thấy được thực trạng và quyết định các giải pháp khắc phục hạn chế đối với cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Mặt khác, quy định đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện theo cơ chế kết hợp giữa tự đánh giá của cấp xã và thẩm định, đánh giá của cấp trên trực tiếp (cấp huyện). Do vậy, nếu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có cơ sở cho rằng kết quả tự đánh giá của cấp xã, kết quả tư vấn, thẩm định của Hội đồng đánh giá

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

chuẩn tiếp cận pháp luật chưa bảo đảm chính xác, trung thực, khách quan thì có thể điều chỉnh kết quả đó cho phù hợp.

Do đó, Phòng Tư pháp không chỉ lập Danh sách các xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật mà cả Danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**14. Sau khi công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải tiến hành công bố công khai, rộng rãi kết quả cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn. Xin hỏi, việc công bố được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Điểm d khoản 2 Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và công bố kết quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trước ngày 10 tháng 02 của năm liền kề sau năm đánh giá. Việc công bố kết quả thực hiện trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.”

Như vậy, chậm nhất trong 02 ngày làm việc kể từ ngày ký Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thực hiện việc công bố kết quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ví dụ: Ngày 10/02/2023 (Thứ Sáu), Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A ký quyết định công nhận 100/102 xã, phường, thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022. Như vậy, chậm nhất đến ngày 14/02/2023, phải thực hiện công bố kết quả công nhận (do ngày 11-12/02/2023 là ngày nghỉ hàng tuần).

**15. Trong quá trình theo dõi, kiểm tra hoặc qua phản ánh của tổ chức, cá nhân mà phát hiện xã, phường, thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nhưng không đáp ứng đủ các điều kiện công nhận theo quy định thì tổ chức, cá nhân nào có thẩm quyền xử lý quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 12 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền”.

Khoản 1 Điều 7 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định: “Khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình thì người khiếu nại khiếu nại lần đầu đến người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.”

Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2021 cũng quy định rõ một trong những nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là “Giữ nguyên, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định hành chính, chấm dứt hành vi hành chính bị khiếu nại; giải quyết các vấn đề cụ thể trong nội dung khiếu nại”.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện trong đình chỉ, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Vận dụng các quy định nêu trên, nếu trong quá trình theo dõi, kiểm tra hoặc qua phản ánh của tổ chức, cá nhân mà phát hiện xã, phường, thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nhưng không đáp ứng đủ các điều kiện công nhận theo quy định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể tự mình thu hồi, hủy bỏ Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hoặc đề nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định bãi bỏ Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận đã ban hành.

**16. Xã B khi thực hiện xong việc đánh giá, chấm điểm xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nhưng do chưa nghiên cứu kỹ các quy định về niêm yết kết quả đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Đề nghị phòng Tư pháp hướng dẫn cụ thể.**

**Trả lời:**

Việc niêm yết công khai kết quả đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 09/2021/QĐ-TTg như sau:

- Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm niêm yết kết quả đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Hình thức, địa điểm công khai, niêm yết: trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã và đăng tải trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử thông báo trên đài truyền thanh cấp xã ít nhất 03 lần trong thời hạn ít nhất 05 ngày

- Nội dung niêm yết công khai: Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu

- Thời điểm thực hiện việc niêm yết công khai: Ngay sau khi công chức Tư pháp – Hộ tịch xây dựng xong dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm

số của các tiêu chí, chỉ tiêu và việc niêm yết, công khai phải hoàn thành trước khi tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã.

**17. Theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP, khi đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, có những nội dung nào mặc dù cấp xã không thực hiện nhưng vẫn được chấm điểm tối đa? Vì sao lại quy định như vậy?**

**Trả lời:**

Theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP, có 07/35 nội dung của 20 chỉ tiêu tiếp cận pháp luật mặc dù cấp xã không thực hiện nhưng vẫn được chấm điểm tối đa, cụ thể là:

(i) Chỉ tiêu 1 thuộc Tiêu chí 1: Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao (Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ được giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật được tính 03 điểm).

(ii) Chỉ tiêu 2 thuộc Tiêu chí 2: Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin (Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 05 điểm).

(iii) Nội dung 3 chỉ tiêu 3 thuộc Tiêu chí 1: Triển khai các nhiệm vụ phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên (Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên được tính 02 điểm).

(iv) Chỉ tiêu 1 thuộc Tiêu chí 3: Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở (sau đây gọi chung là vụ, việc hòa giải) (Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được tính 07 điểm)



## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

(v) Chỉ tiêu 3 thuộc Tiêu chí 3: Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý (Trong năm không phát sinh vụ, việc trợ giúp pháp lý liên quan đến người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được tính 04 điểm)

(vi) Nội dung 2 chỉ tiêu 1 thuộc Tiêu chí 5: Tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh (Trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh được tính 02 điểm).

(vii) Nội dung 3 chỉ tiêu 1 thuộc Tiêu chí 5: Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo (Trong năm đánh giá không có khiếu nại, tố cáo được tính 02 điểm).

Việc Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định theo hướng không thực hiện các nội dung trên nhưng vẫn được chấm điểm tối đa vì lý do khách quan, việc không thực hiện các hoạt động là do cấp xã không được giao/phát sinh nhiệm vụ này chứ không phải cấp xã không thực hiện nhiệm vụ được giao/phát sinh.

**18. Xin hỏi, điều kiện công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 4 và chỉ tiêu 3 Tiêu chí 5 quy định tại điểm c khoản 5 Điều 2 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg có điểm khác như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 4 Quyết định 25/2021/QĐ-TTg quy định: “Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.”

Điểm c khoản 5 Điều 2 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định: “Chỉ tiêu 3: Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự”

Theo đó quy định tại khoản 3 Điều 5 và điểm c khoản 5 Điều 2 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg có điểm khác như sau:

<b>Tiêu chí phân biệt</b>	<b>Khoản 3 Điều 5</b>	<b>Điểm c khoản 5 Điều 2</b>
<b>Vị trí</b>	Là 01 điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Là một chỉ tiêu để đánh giá, chấm điểm tiêu chí
<b>Đối tượng</b>	Cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền: Bí thư đảng ủy cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã	Tất cả cán bộ, công chức cấp xã
<b>Hành vi vi phạm pháp luật</b>	Trong thi hành công vụ	Tất cả hành vi vi phạm pháp luật
<b>Hậu quả nếu không đáp ứng</b>	Không đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Không đạt điểm chỉ tiêu (bị điểm 0)

**19. Theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP, tôi thấy có 02 cách chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật: (i) Chấm điểm theo tỷ lệ % và (ii) Chấm điểm dựa trên số điểm đã được quy định tại cụ thể tại Phụ lục I. Đề nghị hướng dẫn cụ thể hơn về 02 cách chấm điểm này?**

**Trả lời:**

Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP hướng dẫn có 02 cách tính điểm như sau:

- Có 21/35 nội dung của 20 chỉ tiêu chấm điểm theo tỷ lệ % đạt được (kết quả đạt được trong thực hiện nhiệm vụ). Kết quả tỷ lệ % cao thì đạt điểm số cao và ngược lại, đồng thời quy định thống nhất mức tỷ lệ % tối thiểu đạt 0 điểm là dưới 50% để thực hiện chấm điểm, đánh giá được thuận tiện, dễ theo dõi, quản lý. Đó là chỉ tiêu 2 của tiêu chí 1; nội dung 2,3,4 chỉ tiêu 1, nội dung 1,2,3 chỉ tiêu 2, nội dung 2,3 chỉ tiêu 3 và chỉ tiêu 5 của tiêu chí 2; nội dung 1,2 chỉ tiêu 1, nội dung 2,3 chỉ tiêu 2 và chỉ tiêu 3 của tiêu chí 3; chỉ tiêu 2,3,4 của tiêu chí 4; nội dung 2,3 chỉ tiêu 1 và chỉ tiêu 2 của tiêu chí 5. Có 14 nội dung được chấm điểm theo điểm số tương ứng quy định tại Phụ lục I, đó là nội dung 1,2 chỉ tiêu 1 của tiêu chí 1; nội dung 1 chỉ tiêu 1, nội dung 1 chỉ tiêu 3, chỉ tiêu 4 và chỉ tiêu 6 của tiêu chí 2; nội dung 1 chỉ tiêu 2 của tiêu chí 3; nội dung 1,2 chỉ tiêu 1 và nội dung 1,2 chỉ tiêu 5 của tiêu chí 4; nội dung 1 chỉ tiêu 1, chỉ tiêu 3 và chỉ tiêu 4 của tiêu chí 5.

- Có 14/35 nội dung chấm điểm theo điểm số tương ứng quy định cụ thể tại Phụ lục I. Đó là nội dung 1,2 chỉ tiêu 1 của tiêu chí 1; nội dung 1 chỉ tiêu 1, nội dung 1 chỉ tiêu 3, chỉ tiêu 4 và chỉ tiêu 6 của tiêu chí 2; nội dung 1 chỉ tiêu 2 của tiêu chí 3; nội dung 1,2 chỉ tiêu 1 và nội dung 1,2 chỉ tiêu 5 của tiêu chí 4; nội dung 1 chỉ tiêu 1, chỉ tiêu 3 và chỉ tiêu 4 của tiêu chí 5.

**20. Đề nghị cho biết cụ thể về các biểu mẫu phục vụ việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật?**

**Trả lời:**

Điều 4 Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định 10 biểu mẫu, trong đó có 04 biểu mẫu phục vụ việc đánh giá, đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện; 04 biểu mẫu phục vụ việc đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và do Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện; 02 biểu mẫu phục vụ báo cáo, theo dõi, quản lý xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện. Cụ thể:

- Các biểu mẫu do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện bao gồm: (i) Báo cáo đánh giá kết quả và đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 01 Phụ lục II); (ii) Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu (Mẫu 02 Phụ lục II); (iii) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 03 Phụ lục II); (iv) Phiếu lấy ý kiến, bản tổng hợp kết quả đánh giá về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở (Mẫu 04 Phụ lục II).

- Các biểu mẫu do Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện bao gồm: (i) Biên bản cuộc họp Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 05 Phụ lục II); (ii) Phiếu lấy ý kiến, bản tổng hợp ý kiến thẩm định của thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 06 Phụ lục II); (iii) Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu do Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thẩm định (Mẫu 07 Phụ lục II); (iv) Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; danh sách xã, phường, thị

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; danh sách xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 08 Phụ lục II).

- Các biểu mẫu do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện bao gồm: (i) Bản tổng hợp thông tin, số liệu thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn (Mẫu 09 Phụ lục II); (ii) Báo cáo kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Mẫu 10 Phụ lục II).

So với Thông tư số 07/2021/TT-BTP, Thông tư số 09/2021/TT-BTP đã tăng 01 biểu mẫu, trong đó bổ sung các biểu mẫu mới, gồm: (i) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; (ii) Phiếu lấy ý kiến đánh giá hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở; (iii) Phiếu lấy ý kiến, bản tổng hợp ý kiến thẩm định của thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật; (iv) Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu do Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thẩm định; (v) Bản tổng hợp thông tin, số liệu thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn; Báo cáo kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**21. Khi triển khai đánh giá xã nông thôn mới nâng cao nhiều xã đã không biết xã định thời điểm lấy số liệu xã đạt chuẩn tiếp cận nên đã lúng túng trong việc triển khai, đề nghị phòng Tư pháp hướng dẫn.**

**Trả lời:**

Theo quy định tại mục IV phần II hướng dẫn Quyết định số 1723/QQĐ-BTP thì số liệu phục vụ chấm điểm tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới nâng cao tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá.

**TÌNH HUỐNG THUỘC TIÊU CHÍ I**  
**BAN HÀNH VĂN BẢN THEO THẨM QUYỀN ĐỂ ĐẢM**  
**BẢO TỔ CHỨC VÀ THI HÀNH HIẾN PHÁP VÀ PHÁP**  
**LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN**

**22. Năm 2023, xã A thực hiện việc tự chấm điểm đối với Tiêu chí 1 “Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn” . Tuy nhiên xã A chỉ đánh giá đối với văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân xã ban hành mà không đánh giá đối với văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân xã ban hành và đã chấm điểm đạt mức tối đa (03 điểm). Đề nghị cho biết xã X thực hiện đánh giá như vậy có đúng không?**

**Trả lời:**

Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao có điểm số tối đa của nội dung này là 03 điểm. Theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật(sau đây viết tắt là Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg);

Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật(sau đây viết tắt là Thông tư số 09/2021/TT-BTP), phạm vi, đối tượng đánh giá của nội dung nêu trên cần được hiểu là những văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của chính quyền cấp xã, bao gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã. Theo Điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, có 02 hình thức văn bản quy phạm pháp luật do chính quyền cấp xã ban hành để quy định những vấn đề

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

được luật giao là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã và Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Do đó, việc xã A chỉ tiến hành rà soát, đánh giá kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân xã ban hành để quy định những vấn đề được luật giao là chưa đầy đủ mà cần phải tiến hành rà soát, đánh giá kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân xã ban hành trong năm mới đáp ứng được yêu cầu của tiêu chí này.

**23. Xã B tự đánh giá chấm điểm đối với Chỉ tiêu 1, Tiêu chí 1 “Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao” khi rà soát đánh giá xã B chỉ xem xét về số lượng các văn bản nên khi Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện xem xét phát hiện có văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân xã ban hành trong năm đánh giá của xã B được ban hành không đúng trình tự, thủ tục nên đã không công nhận toàn bộ kết quả tự chấm điểm của xã B trong năm đánh giá. Đề nghị cho biết Hội đồng đánh giá như vậy có đúng không?**

**Trả lời:**

Trong tình huống trên căn cứ vào Thông tư số 09/2021/TT-BTP của Bộ Tư pháp phần quy định tại Chỉ tiêu 1, Tiêu chí 1 thì việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao phải đảm bảo đầy đủ và đúng quy định pháp luật có nghĩa là trước hết phải ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật đã được cơ quan có thẩm quyền giao, ví dụ: trong năm đánh giá xã B được Ủy ban nhân dân huyện giao phải ban hành 03 văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện Nghị quyết của Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện thì xã B phải ban hành đủ 3 văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên như vậy mới đủ về số lượng,

còn về tính đúng pháp luật thì xã B cần phải căn cứ vào Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật tổ chức chính quyền địa phương và luật chuyên ngành về lĩnh vực văn bản quy phạm pháp luật đó điều chỉnh để khi ban hành văn bản của mình đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền nội dung và thẩm quyền hình thức, đáp ứng các yêu cầu của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ vào Thông tư 09/2021/TT-BTP, việc xã B tự đánh giá sai đối với nội dung Chỉ tiêu 1, Tiêu chí 1 chỉ bị trừ điểm hoặc không cho điểm đối với nội dung này nên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện không công nhận toàn bộ kết quả tự chấm điểm của xã B trong năm đánh giá là sai.

**24. Khi tiến hành tự đánh giá kết quả xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật xã C xác định có 01/03 văn bản quy phạm pháp luật do xã ban hành bị cấp trên đình chỉ thi hành trong năm đánh giá, nhưng khi tập hợp tài liệu minh chứng lại không có văn bản đình chỉ thi hành của cấp trên nên khi Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện tiến hành đánh giá đã không chấp nhận điểm chấm của xã C đối với nội dung này. Đề nghị cho biết Hội đồng đánh giá thực hiện đúng không?**

**Trả lời:**

Đây là yêu cầu của Thông tư 09/2021/TT-BTP đối với tài liệu minh chứng của Chỉ tiêu 1, Tiêu chí 1, theo đó Chỉ tiêu này quy định phải có ít nhất 02 tài liệu minh chứng đó là:

- Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành trong năm đánh giá, kèm theo các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho chính quyền cấp xã (nếu có).

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).



## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Như vậy nếu đã có văn bản bị đình chỉ thi hành thì đương nhiên phải có Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã. Do vậy trong tình huống này Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện cần yêu cầu xã C bổ sung tài liệu minh chứng chứ không phủ nhận kết quả tự đánh giá của xã C vì chắc chắn đã có văn bản bị đình chỉ thì văn bản đình chỉ đã được lưu trên hệ thống văn bản điện tử của cả huyện và xã.

**25. Năm 2023 xã E ban hành 100 văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân đúng quy định pháp luật về thời hạn và thẩm quyền nhưng có 20 văn bản ban hành sai thời hạn nên khi tự chấm điểm Ủy ban nhân dân xã đã lúng túng không biết chấm bao nhiêu điểm cho đúng?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Chỉ tiêu 2 Tiêu chí 1 ban hành kèm theo Thông tư 09/2021/TT-BTP “ Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân” thì Chỉ tiêu này yêu cầu các văn bản ban hành phải đảm bảo đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật thì mới được đủ 07 điểm. Do đó nếu xã đã có 20/100 văn bản không đúng thời hạn nên cách tính điểm cụ thể như sau

Tỷ lệ phần trăm điểm = Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản hành chính đã ban hành trong năm đánh giá) x 100

Như vậy theo công thức trên ta có 80 văn bản ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật /100 văn bản ban hành trong năm x 100 = 80%. Vậy số điểm xã đạt được là 3/7 điểm.

**26. Tiêu chí 1 về “Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao” gồm có mấy chỉ tiêu. Ý nghĩa của việc quy định tiêu chí này trong đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật?**

**Trả lời:**

Việc quy định tiêu chí 1 nhằm đánh giá mức độ hoàn thành trách nhiệm trong việc ban hành đúng, đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính của chính quyền cấp xã bởi văn bản có vai trò quan trọng nhằm đảm bảo thông tin phục vụ quản lý, điều hành và quyết định hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Văn bản vừa là công cụ hữu hiệu phục vụ cho việc quản lý và điều hành nhà nước tại địa phương, là nguồn cung cấp thông tin pháp luật cơ bản, vừa là cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động và hoạch định phương hướng phát triển của một cơ quan, tổ chức từ đó góp phần bảo đảm quyền và lợi ích của người dân trên địa bàn.

Tiêu chí này có 02 chỉ tiêu:

+ Chỉ tiêu 1 về ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao (05 điểm).

+ Chỉ tiêu 2 về ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân (05 điểm).

**27. Khi chấm điểm chỉ tiêu 1 của Tiêu chí 1 về “Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao” , xã X chỉ tiến hành rà soát, đánh giá kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã mà không rà soát, đánh giá kết quả đối với văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân xã ban hành. Đề nghị cho biết xã X thực hiện đánh giá như vậy có đúng không?**

**Trả lời:**

Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao là chỉ tiêu 1 thuộc tiêu chí 1 về “Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn” . Theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP, chỉ tiêu này có điểm số tối đa là 3 điểm. Điều 3, Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định có 02 hình thức văn bản quy phạm pháp luật do chính quyền địa phương ban hành để quy định những vấn đề được luật giao là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã và Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã. Hơn nữa, tại Phụ lục I của Thông tư số 09/2021/TT-BTP đã quy định rõ tài liệu đánh giá của chỉ tiêu này bao gồm các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành trong năm đánh giá, kèm theo các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho chính quyền cấp xã (nếu có).

Do đó, việc xã X chỉ tiến hành rà soát, đánh giá kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân xã ban hành là chưa đầy đủ mà cần phải tiến hành rà soát, đánh giá cả đối

với kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân xã ban hành trong năm.

**28. Nội dung 2 của chỉ tiêu 1 thuộc Tiêu chí 1 quy định “Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá” với điểm số tối đa là 2 điểm. Đề nghị cho biết đối với trường hợp trong năm đánh giá cấp xã không ban hành đủ văn bản quy phạm pháp luật được giao nhưng không có văn bản bản hành trái pháp luật thì nội dung này được tính bao nhiêu điểm?**

**Trả lời:**

Do trong năm đánh giá đơn vị cấp xã không có văn bản trái pháp luật do bị cơ quan có thẩm quyền xử lý nên xã vẫn được tính điểm ở nội dung này. Tuy nhiên, xã chỉ được tính 1 phần điểm tương ứng với tỷ lệ văn bản đã ban hành đúng quy định trên tổng số văn bản được giao trong năm đánh giá. Ví dụ, xã chỉ ban hành được 02/03 văn bản được giao thì điểm số tương ứng ở nội dung 2 chỉ tiêu 1 thuộc Tiêu chí 1 là 1.3 điểm.

**29. Khi đánh giá đối với chỉ tiêu 1 của Tiêu chí 1 về “Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao” xã X không biết cần thiết lập tài liệu đánh giá như thế nào. Đề nghị phòng Tư pháp hướng dẫn cụ thể.**

**Trả lời:**

Theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP, chỉ tiêu 1 của Tiêu chí 1 về “Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao” gồm 02 nội dung với điểm số tối đa của chỉ tiêu là 3 điểm, cụ thể:

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

- Nội dung 1: Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá (điểm số tối đa: 1 điểm).

- Nội dung 2: Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá (điểm số tối đa: 2 điểm).

Mục I Phụ lục 1 của Thông tư số 09/2021/TT-BTP đã quy định rõ tài liệu đánh giá của chỉ tiêu này bao gồm:

- Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành trong năm đánh giá, kèm theo các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho chính quyền cấp xã (nếu có).

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).

**30. Xã N đang chấm điểm chỉ tiêu 2 của Tiêu chí 1 về “Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân” nhưng chưa xác định rõ pháp luật hiện hành có quy định cụ thể về các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân tại chỉ tiêu này hay không nên chưa thiết lập được hồ sơ, đề nghị phòng Tư pháp giúp đỡ.**

**Trả lời:**

Mục II Phụ lục I của Thông tư số 09/2021/TT-BTP đã quy định rõ văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân do chính quyền cấp xã ban hành được quy định tại Thông tư này bao gồm các văn bản sau đây:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao nhằm bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân trên địa bàn trong một số lĩnh vực về kinh tế, đất đai, tài nguyên - môi trường, y tế, văn hóa, an sinh xã hội; dự toán, quyết toán ngân sách địa phương; chủ trương đầu tư chương trình, dự án của xã, phường, thị trấn trong phạm vi được phân quyền.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng công an cấp xã theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

**31. Xã A khi chấm điểm chấm điểm và chuẩn bị tài liệu đánh giá đối với chỉ tiêu 2 của Tiêu chí 1 về “Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân” chưa hiểu rõ về cách chấm điểm và các tài liệu minh chứng cần thiết lập trong hồ sơ. Đề nghị phòng Tư pháp hướng dẫn về vấn đề này.**

**Trả lời:**

Chỉ tiêu này có điểm số tối đa là 07 điểm và được tính điểm thông qua xác định tỷ lệ %, cụ thể như sau:

Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản hành chính đã ban hành trong năm đánh giá) x 100

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Căn cứ tỷ lệ % đạt được để xác định điểm số như sau: Đạt 100%: 7 điểm; Đạt từ 95% đến dưới 100%: 6 điểm; Đạt từ 90% đến dưới 95%: 5 điểm; Đạt từ 85% đến dưới 90%: 4 điểm; Đạt từ 80% đến dưới 85%: 3 điểm; Đạt từ 75% đến dưới 80%: 2 điểm; Đạt từ 70% đến dưới 75%: 1 điểm; Đạt từ 50% đến dưới 70%: 0,25 điểm; Đạt dưới 50%: 0 điểm

Mục I Phụ lục I của Thông tư số 09/2021/TT-BTP tài liệu đánh giá của chỉ tiêu này bao gồm:

- Các văn bản hành chính do chính quyền cấp xã ban hành trong năm đánh giá, kèm theo các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao ban hành văn bản hành chính cho chính quyền cấp xã (nếu có).

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính; đơn khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân (nếu có).

**TÌNH HUỐNG THUỘC TIÊU CHÍ II  
TIẾP CẬN THÔNG TIN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

**32. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân xã M đã lập Danh mục thông tin theo đúng quy định, tuy nhiên xã không thường xuyên cập nhật các văn bản mới được ban hành vào Danh mục thông tin. Đề nghị cho biết xã M có được chấm điểm tối đa đối với nội dung này hay không?**

**Trả lời:**

Theo Phụ lục 1 Thông tư số 09/2021/TT-BTP, nhiệm vụ của chính quyền địa phương cấp xã được quy định tại nội dung 1 chỉ tiêu 1 của tiêu chí 2 tập trung vào việc lập, đăng tải (hoặc niêm yết) 02 Danh mục: Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện. Theo đó, trường hợp cấp xã đã lập các Danh mục với đầy đủ các nội dung theo quy định pháp luật, đồng thời thường xuyên cập nhật Danh mục thông tin thì được 0,5 điểm. Trường hợp cấp xã đã lập các Danh mục nhưng chưa đầy đủ các nội dung theo quy định hoặc đã lập các Danh mục nhưng cập nhật chưa thường xuyên thì được 0,25 điểm.

**33. Năm 2023, phường A đã đăng tải các Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện trên Trang thông tin điện tử của phường, đồng thời phường cũng niêm yết các Danh mục này tại trụ sở làm việc. Đề nghị cho biết chấm điểm nội dung này như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 09/2021/TT-BTP về nội dung 1 chỉ tiêu 1 của Tiêu chí 2, yêu cầu cấp xã sau khi lập



## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

các Danh mục thông tin phải đăng tải công khai cho người dân tiếp cận theo một trong các hình thức: Cổng (hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết tại trụ sở của chính quyền cấp xã nếu chưa có Cổng (hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc bằng hình thức phù hợp khác. Nếu cấp xã thực hiện đúng yêu cầu này thì được số điểm tối đa (0,5 điểm).

Bên cạnh việc chủ động lựa chọn một trong cách thức nêu trên để đăng tải công khai các Danh mục thông tin cho phù hợp, phát huy vai trò và trách nhiệm của chính quyền cấp xã, căn cứ điều kiện thực tế, khuyến khích cấp xã đăng tải các Danh mục tại tất cả các cách thức đã quy định. Theo đó phường A đã đăng tải Danh mục thông tin trên Trang tin điện tử đồng thời còn niêm yết tại trụ sở làm việc thì được tính 0,5 điểm tối đa.

**34. Năm 2023, thị trấn X có 50 thông tin phải được công khai theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, thị trấn X mới công khai đúng thời hạn, thời điểm 35 thông tin. Đề nghị cho biết chấm điểm nội dung này như thế nào?**

**Trả lời:**

Phụ lục I Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định việc công khai thông tin đúng thời hạn, thời điểm tại nội dung 2, chỉ tiêu 1 của Tiêu chí 2 được chấm điểm theo tỷ lệ % của tổng số thông tin đã công khai đúng thời hạn, thời điểm so với tổng số thông tin phải được công khai. Theo đó, nếu đạt 100% sẽ được 1,5 điểm; từ 90% đến dưới 100% được 01 điểm; từ 80% đến dưới 90% được 0,75 điểm; từ 70% đến dưới 80% được 0,5 điểm; từ 50% đến dưới 70% được 0,25 điểm; dưới 50% được 0 điểm.

Căn cứ quy định nêu trên, trong năm 2022 thị trấn X đã công khai đúng thời hạn, thời điểm 35/50 thông tin phải được công khai và tỷ lệ % đạt được là 70%, điểm số được chấm cho nội dung này là 0,5 điểm.

**35. Đề nghị cho biết cách tính điểm đối với việc công khai thông tin chính xác, đầy đủ của chính quyền cấp xã được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Việc đánh giá, chấm điểm nội dung 3 chỉ tiêu 1 của tiêu chí 2 về công khai thông tin chính xác, đầy đủ chính là đánh giá mức độ thực hiện trách nhiệm của chính quyền cấp xã được quy định tại Điều 9, Điều 34 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Cụ thể Điều 9 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra và thông tin do mình nhận được để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trừ trường hợp quy định tại Điều 6 của Luật về thông tin công dân không được tiếp cận; đối với trường hợp quy định tại Điều 7 của Luật về thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện thì cung cấp thông tin khi có đủ điều kiện theo quy định; cung cấp cho công dân khác thông tin này trong trường hợp liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Điều 34 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định trách nhiệm của cơ quan cung cấp thông tin, trong đó có Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Cụ thể có trách nhiệm công khai, cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ; trong trường hợp phát hiện thông tin đã

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

cung cấp không chính xác hoặc không đầy đủ thì phải đính chính hoặc cung cấp bổ sung thông tin; chủ động lập, cập nhật, công khai Danh mục thông tin phải được công khai và đăng tải Danh mục trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; thường xuyên cập nhật và công khai thông tin theo đúng thời điểm, thời hạn và hình thức theo Danh mục thông tin phải được công khai; bảo đảm tính chính xác, đầy đủ của thông tin...

Công khai thông tin của chính quyền cấp xã được đánh giá, chấm điểm trên cơ sở kết quả đạt được của tổng số thông tin đã công khai chính xác, đầy đủ so với tổng số thông tin phải được công khai và được xác định bằng tỷ lệ %. Trong đó đạt 100% được 02 điểm; từ 90% đến dưới 100% được 1,5 điểm; từ 80% đến dưới 90% được 01 điểm; từ 70% đến dưới 80% được 0,5 điểm; từ 50% đến dưới 70% được 0.25 điểm; dưới 50% được tính 0 điểm.

**36. Trường hợp cấp xã không phát sinh việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của người dân trong năm đánh giá thì chấm điểm đối với nhiệm vụ này như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 26, Điều 32 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định cơ quan nhà nước trong đó có Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin và vào Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu; hướng dẫn người yêu cầu bổ sung các nội dung chưa đầy đủ, chưa rõ ràng; hướng dẫn người yêu cầu đến cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin trong trường hợp thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp; xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác.

Phụ lục I Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định chỉ tiêu cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật có 05 điểm tối đa. Trường hợp trong năm đánh giá mà cấp xã không phát sinh yêu cầu cung cấp thông tin thì vẫn được tính điểm tối đa (05 điểm).

**37. Đề nghị cho biết nhiệm vụ của chính quyền cấp xã về cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng thời hạn quy định tại nội dung 1 chỉ tiêu 2 của tiêu chí 2 được tính điểm như thế nào?**

**Trả lời:**

Việc đánh giá, xác định điểm số đối với nội dung 1 chỉ tiêu 2 của tiêu chí 2 về thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng thời hạn được dựa vào kết quả tỷ lệ % của tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn so với tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp.

Theo đó đạt 100% được 1,5 điểm; từ 90% đến dưới 100% được 01 điểm; từ 80% đến dưới 90% được 0,75 điểm; từ 70% đến dưới 80% được 0,5 điểm; từ 50% đến dưới 70% được 0.25 điểm; dưới 50% được tính 0 điểm.

**38. Đề nghị cho biết thế nào là cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ? Cách tính điểm đối với nội dung này được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ là việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của người dân đúng, đủ các nội dung theo quy định pháp luật; các thông tin cung cấp không chính xác nhưng đã được đính chính và cung cấp lại theo quy định pháp luật.

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Việc đánh giá, xác định điểm số đối với nội dung cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ được dựa vào kết quả tỷ lệ % của tổng số thông tin đã cung cấp chính xác, đầy đủ so với tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp. Theo đó đạt 100% được 02 điểm; từ 90% đến dưới 100% được 1,5 điểm; từ 80% đến dưới 90% được 01 điểm; từ 70% đến dưới 80% được 0,5 điểm; từ 50% đến dưới 70% được 0.25 điểm; dưới 50% được tính 0 điểm.

**39. Năm 2023, Ủy ban nhân dân xã A đã tiếp nhận 32 yêu cầu cung cấp thông tin của người dân trên địa bàn, trong đó có 24 yêu cầu được thực hiện đúng hình thức. Trên cơ sở đó, xã A tự chấm nội dung này được 01 điểm. Đề nghị cho biết xã A đã chấm điểm đúng hay không?**

**Trả lời:**

Điều 24 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định việc cung cấp thông tin theo yêu cầu có thể được thực hiện bằng các hình thức: (i) Trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác đến trụ sở của cơ quan nhà nước yêu cầu cung cấp thông tin; (ii) Gửi Phiếu yêu cầu qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính, fax đến cơ quan cung cấp thông tin.

Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin phải được thể hiện bằng tiếng Việt gồm các nội dung chính: Họ, tên; nơi cư trú, địa chỉ; số chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu của người yêu cầu; số fax, điện thoại, địa chỉ thư điện tử (nếu có); thông tin được yêu cầu cung cấp, trong đó chỉ rõ tên văn bản, hồ sơ, tài liệu; hình thức cung cấp thông tin; lý do, mục đích yêu cầu cung cấp thông tin.

Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin được thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 13/2018/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

Trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin không biết chữ hoặc bị khuyết tật không thể viết yêu cầu thì người tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm giúp điền các nội dung vào Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

Tại Phụ lục I Thông tư số 09/2021/TT-BTP hướng dẫn cách tính điểm đối với nhiệm vụ cung cấp thông tin theo yêu cầu được dựa vào kết quả tỷ lệ % của tổng số thông tin đã cung cấp đúng hình thức theo quy định pháp luật so với tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp. Theo đó đạt 100% được 1,5 điểm; từ 90% đến dưới 100% được 01 điểm; từ 80% đến dưới 90% được 0,75 điểm; từ 70% đến dưới 80% được 0,5 điểm; từ 50% đến dưới 70% được 0.25 điểm và dưới 50% được tính 0 điểm.

Căn cứ quy định nêu trên, xã A trong năm 2022 đã tiếp nhận, giải quyết 32 yêu cầu cung cấp thông tin của người dân trong đó 24 yêu cầu được thực hiện đúng hình thức, đạt tỷ lệ 75% và được 0,5 điểm. Theo đó xã tự chấm 01 điểm là chưa đúng quy định.

**40. Để chấm điểm chỉ tiêu 2 của tiêu chí 2 về cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin, cấp xã cần căn cứ vào những tài liệu gì?**

**Trả lời:**

Số điểm tối đa của chỉ tiêu 2 của tiêu chí 2 về cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin là 05 điểm. Tại Phụ lục I của Thông

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

tư số 09/2021/TT-BTP hướng dẫn các tài liệu kiểm chứng của chỉ tiêu này gồm có:

- Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

- Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).

**41. Năm 2022, Ủy ban nhân dân thị trấn K không ban hành kế hoạch công tác PBGDPL, tuy nhiên trên thực tế Ủy ban nhân dân đã chỉ đạo, tổ chức triển khai nhiều hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân. Khi tự đánh giá, chấm điểm, xã A đã cho 01 điểm đối với chỉ tiêu ban hành Kế hoạch công tác PBGDPL. Xin hỏi việc chấm điểm của thị trấn K có đúng quy định hay không?**

**Trả lời:**

Nội dung 1 chỉ tiêu 3 của tiêu chí 2 về ban hành kế hoạch PBGDPL có điểm số tối đa là 02 điểm và được chia thành 04 mức điểm được xác định theo yêu cầu về tiến độ ban hành kế hoạch và nội dung của kế hoạch đáp ứng chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên. Trong đó trường hợp “không ban hành kế hoạch...” thì tính 0 điểm.

Căn cứ quy định nêu trên, Ủy ban nhân dân thị trấn K tự chấm 01 điểm cho nhiệm vụ ban hành kế hoạch công tác PBGDPL là chưa đúng quy định, mặc dù trên thực tế thị trấn K đã tổ chức nhiều hoạt động PBGDPL cho người dân trên địa bàn.

**42. Việc đánh giá, chấm điểm đối với chỉ tiêu 4 Tiêu chí 2 về triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Phụ lục I Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định chỉ tiêu 4 tiêu chí 2 về triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở được đánh giá, chấm điểm như sau:

- Có từ 02 hình thức, mô hình thông tin, PBGDPL hiệu quả trở lên: 05 điểm

- Có 01 hình thức, mô hình thông tin, PBGDPL hiệu quả: 02 điểm.

- Không có hình thức, mô hình thông tin, PBGDPL hiệu quả: 0 điểm.

Theo đó, các tài liệu kiểm chứng khi đánh giá, chấm điểm chỉ tiêu này bao gồm:

- Văn bản, tài liệu triển khai các hoạt động thông qua hình thức, mô hình thông tin, phổ biến giáo dục pháp luật: Kế hoạch tổ chức, giấy mời, tin bài viết về tổ chức mô hình, báo cáo, các tài liệu liên quan (nếu có).

- Phiếu lấy ý kiến đánh giá của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, đại diện thôn, tổ dân phố trên địa bàn về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả.

- Bản tổng hợp kết quả đánh giá hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở.

Tại điểm 2 mục II Phụ lục I Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật có hiệu quả tại cơ sở là hình thức, mô hình có từ 80% trở lên ý kiến của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ



## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

chức chính trị - xã hội cấp xã, đại diện các thôn, tổ dân phố xác nhận mô hình đó hiệu quả, phù hợp trong truyền tải thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật, được triển khai trên toàn địa bàn, duy trì thường xuyên, liên tục và có khả năng nhân rộng.

Việc lấy ý kiến của các chủ thể nêu trên được thực hiện thông qua Phiếu lấy ý kiến và tổng hợp kết quả tại Bản tổng hợp theo Biểu mẫu 04 tại Phụ lục II Thông tư số 09/2021/TT-BTP. Số lượng phiếu lấy ý kiến do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện và phải đảm bảo đầy đủ thành phần đại diện theo quy định.

**43. Năm 2023 xã D triển khai các Tiêu chí tiếp cận pháp luật, Tuy nhiên khi triển khai Chỉ tiêu 1 “Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn” trong tổng số các văn bản đã được công khai có 01 văn bản bị thiếu 01/06 trang. Sự việc được Nhân dân phản ánh lên Ủy ban nhân dân huyện và đã được khắc phục ngay sau đó nhưng khi Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện đánh giá đã không chấp nhận và đã trừ điểm của xã.**

### **Trả lời:**

Theo yêu cầu của Chỉ tiêu 1, Tiêu chí 2 thì đương nhiên văn bản được công khai phải đảm bảo 3 yếu tố đó là: Kịp thời; Đầy đủ; Chính xác như vậy việc niêm yết của xã D trong tình huống này đã thiếu tính đầy đủ và chính xác. Tuy nhiên sự việc đã được khắc phục kịp thời nên việc phủ định toàn bộ kết quả đối với nội dung này của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện là chưa chính xác, thiết nghĩ chỉ cần phê bình nhắc nhở là phù hợp và đối với xã D việc khắc phục ngay thiếu trang văn bản

là đúng song chưa đủ mà nên sau khi khắc phục thiếu trang cần có văn bản thông báo cho Nhân dân biết về sự việc để họ xem lại thông tin.

**44. Khi thiết lập hồ sơ đối với Chỉ tiêu 1, Tiêu chí 2 “Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn” xã Đ lúng túng không xác định được các loại tài liệu minh chứng cần có nên khi gửi hồ sơ lên huyện đã bị trả về và yêu cầu bổ sung. Đề nghị được hướng dẫn cụ thể?**

**Trả lời:**

Để khắc phục tình huống này, các xã cần chú ý nghiên cứu kỹ phần tài liệu minh chứng tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 09/TT-BTP, đối với Chỉ tiêu 1, Tiêu chí 2 Hồ sơ minh chứng gồm các tài liệu sau đây:

- Các Danh mục thông tin đã được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành, đăng tải trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử cấp xã hoặc niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc hình thức phù hợp khác.

- Hồ sơ, văn bản, tài liệu phục vụ xây dựng, đăng tải hoặc niêm yết các danh mục thông tin (đường link trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử, lịch phát các tin, bài công khai thông tin được người có thẩm quyền phê duyệt; hình ảnh chụp các bảng niêm yết, công khai thông tin.. ).

- Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc công khai thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Việc Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện trả hồ sơ và yêu cầu bổ sung là đúng song chưa hợp lý vì nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì có thể yêu cầu bổ sung nhưng cần phải hướng dẫn cụ thể bổ sung tài liệu gì.

**45. Trong năm đánh giá huyện X ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật vào ngày 17/01 (vào thứ 4 trong tuần) căn cứ kế hoạch của huyện xã X đã ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của xã vào ngày 23/01 (sau 07 ngày vì trong khoảng thời gian này có 02 ngày nghỉ là thứ 7 và chủ nhật). Tuy nhiên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện đã trừ điểm với nội dung này với lý do Thông tư 09/2021/TT-BTP không quy định là ngày làm việc mà chỉ quy định trong thời gian 05 ngày. Hội đồng đánh giá thực hiện đúng không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP tại điểm a mục 1 chỉ tiêu 3 tiêu chí 2 quy định “Ban hành Kế hoạch trong 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật” thì được chấm 02 điểm và tại điểm a mục 1 chỉ tiêu 3 tiêu chí 2 quy định “Ban hành Kế hoạch sau 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật” thì chỉ được chấm 01 điểm, do đó Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện trừ điểm là đúng.

**46. Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện khi tiến hành đánh giá hồ sơ chuẩn tiếp cận của xã N phát hiện thấy thiếu tài liệu minh chứng là Kế hoạch, văn bản của cơ**

**quan cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn về nội dung, thời hạn ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã nên đã dừng việc đánh giá và yêu cầu xã bổ sung, Ủy ban nhân dân xã không chấp nhận khiến công việc trở nên phức tạp và không thống nhất được quan điểm giải quyết.**

**Trả lời:**

Theo quy định tại chỉ tiêu 3 tiêu chí 2 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 09/2021/TT-BTP thì các tài liệu kiểm chứng phải có bao gồm các tài liệu sau:

- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm đã được lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

- Kế hoạch, văn bản của cơ quan cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn về nội dung, thời hạn ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản, tài liệu triển khai các nhiệm vụ, hoạt động của Kế hoạch: Giấy mời tổ chức tập huấn, phổ biến văn bản pháp luật, các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật được cấp phát (văn bản pháp luật, tờ gấp, tài liệu hỏi - đáp), các tin, bài, lịch phát sóng trên Đài truyền thanh cấp xã, đường link về nội dung liên quan trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử (nếu có)...

- Văn bản giao nhiệm vụ của cơ quan cấp trên.

- Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện các nhiệm vụ (nếu có).

Như vậy trong tình huống này nếu Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện chứng minh được là có “ Kế hoạch, văn bản của cơ quan cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn về nội dung, thời

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

hạn ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã” thì xã N phải chấp hành yêu cầu bổ sung hồ sơ, nhưng nếu Ủy ban nhân dân xã N chứng minh được là không có văn bản trên thì không có nghĩa vụ phải bổ sung hồ sơ.

**47. Năm 2023 Xã Y có 01 mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hoạt động có hiệu quả, khi tự đánh giá chấm điểm xã đã chấm 05 điểm (điểm tối đa) nhưng sau đó Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện đã trừ 02 điểm với lý do Thông tư 09/2021/TT-BTP yêu cầu phải có từ 02 mô hình trở lên mới đạt điểm tối đa, xã Y đã khiếu nại do điều kiện nguồn lực của xã và do Thông tư 09/2021/TT-BTP mới ban hành vào tháng 11/2021 nên việc triển khai không thể thực hiện được đúng yêu cầu.**

### **Trả lời:**

Quyết định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện là hoàn toàn đúng vì theo điểm a và b chỉ tiêu 4 thuộc tiêu chí 2 phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 09/2021/TT-BTP đã quy định phải có từ 02 (hai) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả trở lên mới đạt điểm tối đa (05 điểm) và đây là quy định bắt buộc nên không thể cho rằng Thông tư ban hành vào tháng 11/2021 nên không thể triển khai. Bên cạnh đó hầu hết các mô hình đã được các ngành triển khai từ nhiều năm trước năm 2021 đều là các mô hình có nội dung sinh hoạt là các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật như mô hình “Phụ nữ với pháp luật”, “Nông dân với pháp luật” ..., nên Ủy ban nhân dân xã nên khắc phục theo hướng rà soát lại các mô hình đã thành lập để thiết lập hồ sơ theo đúng quy định.

**48. Khi triển khai tự chấm điểm đối với chỉ tiêu 4 thuộc tiêu chí 2 Ủy ban nhân dân xã H đã lúng túng trong quá trình lập thu thập tài liệu minh chứng dẫn đến hồ sơ không đầy đủ và phải thiết lập lại. Vậy tài liệu minh chứng cho chỉ tiêu này bao gồm những gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại chỉ tiêu 4 thuộc tiêu chí 2 ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư 09/2021/TT-BTP thì tài liệu minh chứng cho nội dung này cần có bao gồm:

- Văn bản, tài liệu triển khai các hoạt động thông qua hình thức, mô hình thông tin, phổ biến giáo dục pháp luật: Kế hoạch tổ chức, giấy mời, tin bài viết về tổ chức mô hình, báo cáo, các tài liệu liên quan (nếu có).

- Phiếu lấy ý kiến đánh giá của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, đại diện thôn, tổ dân phố trên địa bàn về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả.

- Bản tổng hợp kết quả đánh giá hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở

**49. Năm 2023, xã G xây dựng và ban hành Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong đó mục tiêu đề ra sẽ triển khai phổ biến 100% các văn bản pháp luật mới ban hành, Tuy nhiên theo báo cáo tổng kết cuối năm thì mới triển khai được 70% mục tiêu đề ra do vậy Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện chỉ đánh giá xã G đạt 50%**

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

**điểm của chỉ tiêu này (02/04điểm) xã G đã khiếu nại về nội dung này.**

**Trả lời:**

Theo quy định tại điểm 2 chỉ tiêu 3 tiêu chí 2 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 09/2021/TT-BTP yêu cầu việc triển khai kế hoạch công tác PBGDPL phải đảm bảo 100% số lượng các công việc mà mục tiêu của kế hoạch đã đề ra, do vậy xã G mới chỉ triển khai được 70% số lượng các công việc so với mục tiêu của kế hoạch nên điểm chấm sẽ đạt là 70%, cụ thể cách tính điểm như sau:

Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100

Từ công thức trên cho thấy Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện đánh giá xã G chỉ đạt 50% số điểm của nội dung này là chưa đúng mà phải đạt 70% mới đúng.

**50. Khi triển khai thu thập tài liệu minh chứng của tiêu chí 2 (Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật) xã K lúng túng không biết cần thu thập những tài liệu nào cho từng chỉ tiêu do vậy đã thiết lập tất cả tài liệu của mỗi chỉ tiêu cho chung cả tiêu chí mà không sắp xếp theo đúng quy định**

**Trả lời:**

Mỗi chỉ tiêu sẽ có tài liệu minh chứng riêng do vậy cần sắp xếp theo đúng quy định và yêu cầu của chỉ tiêu đó, theo quy định tiêu chí 2 có 6 chỉ tiêu do vậy tài liệu minh chứng tương ứng như sau:

**Chỉ tiêu 1:**

- Các Danh mục thông tin đã được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành, đăng tải trên Cổng (hoặc Trang) thông

tin điện tử cấp xã hoặc niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc hình thức phù hợp khác.

- Hồ sơ, văn bản, tài liệu phục vụ xây dựng, đăng tải hoặc niêm yết các danh mục thông tin (đường link trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử, lịch phát các tin, bài công khai thông tin được người có thẩm quyền phê duyệt; hình ảnh chụp các bảng niêm yết, công khai thông tin.. ).

- Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc công khai thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).

**Chỉ tiêu 2:**

- Sở theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

- Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).

**Chỉ tiêu 3:**

- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm đã được lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

- Kế hoạch, văn bản của cơ quan cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn về nội dung, thời hạn ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản, tài liệu triển



## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

khai các nhiệm vụ, hoạt động của Kế hoạch: Giấy mời tổ chức tập huấn, phổ biến văn bản pháp luật, các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật được cấp phát (văn bản pháp luật, tờ gấp, tài liệu hỏi - đáp), các tin, bài, lịch phát sóng trên Đài truyền thanh cấp xã, đường link về nội dung liên quan trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử (nếu có)...

- Văn bản giao nhiệm vụ của cơ quan cấp trên.
- Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện các nhiệm vụ (nếu có).

### **Chỉ tiêu 4:**

- Văn bản, tài liệu triển khai các hoạt động thông qua hình thức, mô hình thông tin, phổ biến giáo dục pháp luật: Kế hoạch tổ chức, giấy mời, tin bài viết về tổ chức mô hình, báo cáo, các tài liệu liên quan (nếu có).

- Phiếu lấy ý kiến đánh giá của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, đại diện thôn, tổ dân phố trên địa bàn về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả.

- Bản tổng hợp kết quả đánh giá hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở.

### **Chỉ tiêu 5:**

- Kế hoạch tổ chức tập huấn, giấy mời hoặc thông báo tham dự tập huấn.

- Tài liệu bồi dưỡng, tập huấn.
- Danh sách tuyên truyền viên pháp luật xác nhận tham dự.
- Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn

**Chỉ tiêu 6:**

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền có nội dung phân bổ, bố trí kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

- Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về phân bổ, bố trí, sử dụng kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật, mức độ đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ của kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã phê duyệt.

**51. Xã N khi triển khai chỉ tiêu 1 tiêu chí 2 “Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn” đã thực hiện được nội dung a của mục 1 (Lập Danh mục thông tin có đầy đủ các nội dung thông tin cần công khai và thường xuyên cập nhật Danh mục thông tin theo đúng quy định pháp luật) nhưng lại không thực hiện nội dung b của mục này (Đăng tải Danh mục thông tin -xã, phường, thị trấn có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở của chính quyền cấp xã xã, phường, thị trấn chưa có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác) vậy điểm chấm là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại chỉ tiêu 1 tiêu chí 2 tổng điểm chấm cho cả 2 nội dung a và b của mục 1 chỉ tiêu này là 01 điểm tương ứng mỗi nội dung là 0,5 điểm do vậy xã N chỉ được chấm tối đa là 0,5 điểm cho mục này.

**52. Trong năm đánh giá xã C đã thực hiện việc công khai thông tin được 200 thông tin theo quy định tuy nhiên số thông tin công khai đúng thời hạn, thời điểm chỉ có 150 thông tin. Vậy số điểm chấm cho xã là bao nhiêu đối với nội dung này?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại mục 2 chỉ tiêu 1 tiêu chí 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 09/2021/TT-BTP thì yêu cầu phải thông tin công khai đúng thời hạn, thời điểm 10% các thông tin phải công khai và cách tính điểm được tính theo công thức sau:

Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng thời hạn, thời điểm/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100

Như vậy số điểm chấm cho xã C sẽ là:  $(150 : 200) \times 100 = 75\%$  . Đối chiếu với điểm chấm trong Thông tư 09/2021/TT-BTP thì xã C được chấm: 0,5/1,5 điểm.

**53. Xã A khi triển khai công khai thông tin theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở nhưng lại không biết có những hình thức công khai nào. Bạn hãy giúp xã vấn đề này?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 12 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ở cấp xã có các hình thức sau để công khai thông tin phù hợp với từng nội dung cần công khai thông tin hình thức và thời điểm công khai thông tin:

- a) Niêm yết thông tin;
- b) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của chính quyền địa phương cấp xã;
- c) Phát tin trên hệ thống truyền thanh của cấp xã (nếu có);

d) Thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến công dân;

đ) Gửi văn bản đến công dân;

e) Thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân;

g) Thông qua việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật;

h) Thông báo đến tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức, đoàn thể cùng cấp khác để tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên ở cơ sở;

i) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại cấp xã, tại thôn, tổ dân phố;

k) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

- Việc công khai thông tin quy định tại Điều 11 của Luật này tại khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định của Chính phủ.

- Thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về nội dung cần công khai, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức công khai thông tin.

**54. Trong năm 2023 xã D không nhận được yêu cầu cung cấp thông tin nào nên lúng túng trong việc xác định điểm chấm và tài liệu minh chứng có phải thiết lập hay không và thiết lập như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại chỉ tiêu 2 tiêu chí 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP chỉ tiêu này yêu cầu “ Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin” Tuy nhiên chỉ tiêu này cũng quy định rõ “ Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 05 điểm” . Như vậy trong năm đánh giá xã được chấm 0,5 điểm.

Về tài liệu minh chứng xã vẫn phải thiết lập với các tài liệu cụ thể như sau:

- Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

- Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).

**55. Đề nghị cho biết để đánh giá, chấm điểm nhiệm vụ bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ PBGDPL theo quy định của pháp luật về PBGDPL tại chỉ tiêu 6 của tiêu chí 2 cần căn cứ vào các tài liệu nào?**

**Trả lời:**

Tại Phụ lục I Thông tư số 09/2021/TT-BTP đã hướng dẫn các tài liệu phục vụ đánh giá, chấm điểm đối với chỉ tiêu 6 tiêu chí 2 về bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ PBGDPL như sau:

- Việc chấm điểm đối với chỉ tiêu được dựa vào tỷ lệ nhiệm vụ được bảo đảm kinh phí thực hiện theo Kế hoạch PBGDPL của cấp xã hàng năm.

- Các tài liệu phục vụ đánh giá, chấm điểm chỉ tiêu cũng như phục vụ kiểm chứng cho cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp cần thiết gồm có:

- Kế hoạch PBGDPL hàng năm của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Các nội dung và định mức chi kinh phí công tác PBGDPL tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền có nội dung phân bổ, bố trí kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

- Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về phân bổ, bố trí, sử dụng kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật, mức độ đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ của kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã phê duyệt.

**56. Mô hình hình phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở được hiểu như thế nào?**

**Trả lời:**

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Theo quy định tại điểm 1 mục I phần II ban hành kèm theo Quyết định số 1723/QĐ-BTP ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn tiêu chí huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 và tiêu chí quận, thị xã, thành phố đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc tiêu chí quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh (sau đây viết tắt là Quyết định 1723/QĐ-TTg). Mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật hoạt động hiệu quả phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Tiêu chí 2 “Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật” theo quy định của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg đạt điểm số tối đa.

b) Huy động được nguồn lực hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

c) Có văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp huyện hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng; trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá, được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình này.

**57. Năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vào ngày 02/01/2023 (thứ 2) sau đó đến ngày 14/01/2023 huyện Y ban hành Kế**

**hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của huyện. Vậy huyện Y có được chấm điểm tối đa cho nội dung này hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định của Phụ lục nội dung, điểm số, cách tính điểm, tài liệu đánh giá tiêu chí cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ban hành kèm theo Quyết định số 1723/QĐ-TBTP thì “Ban hành Kế hoạch đúng thời hạn yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc trong 10 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Kế hoạch nếu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có yêu cầu về thời hạn”

Trong tình huống này thì trong khoảng thời gian từ ngày 02/01 đến hết ngày 14/01/2023 là 12 ngày trong đó có 02 ngày nghỉ nên tổng thời hạn được tính là 10 ngày làm việc nên huyện Y được chấm điểm tối đa vì vẫn đảm bảo thời hạn.

**58. Theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật gồm những gì?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định: “Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật để tư vấn, thẩm định giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định công nhận và công bố xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử cấp huyện trước ngày 10/02 của năm liền kề sau năm đánh giá”.



## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Trên cơ sở đó, Điều 5 Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định cụ thể về Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật. Theo đó, khoản 1 quy định Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật tư vấn, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

(i) Thẩm định, đánh giá hồ sơ, kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu và điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

(ii) Tư vấn các sáng kiến, giải pháp nâng cao hiệu quả, xử lý hạn chế, tồn tại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu;

(iii) Thực hiện nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

**59. Đề nghị cho biết Phòng Tư pháp có trách nhiệm gì trong việc tham mưu triển khai các nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật?**

**Trả lời:**

Khoản 6 Điều 5 Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định Phòng Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch Hội đồng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Đề nghị thành lập, kiện toàn Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật;

- Bảo đảm sự phối hợp, trao đổi thông tin giữa thành viên Hội đồng với Phòng Tư pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

- Chuẩn bị tài liệu, nội dung cuộc họp Hội đồng và gửi các thành viên Hội đồng chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp;

- Tiếp thu, hoàn thiện các tài liệu trong hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổng hợp đề xuất của thành viên Hội đồng để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định;

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai hoặc báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền các giải pháp nâng cao hiệu quả, xử lý hạn chế, tồn tại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu;

- Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu phục vụ hoạt động tư vấn, thẩm định của Hội đồng theo quy định của pháp luật về văn thư, lưu trữ.

**60. Đề nghị cho biết cách tính điểm đối với các chỉ tiêu, nội dung của tiêu chí 2 về tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg?**

**Trả lời:**

Tiêu chí 2 được quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg với 06 chỉ tiêu. Trong đó cách tính điểm của từng chỉ tiêu được quy định cụ thể tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP, bao gồm các nội dung tính điểm theo điểm số và các nội dung tính điểm theo tỷ lệ %, cụ thể như sau:

- Có 03 nội dung được chấm điểm theo điểm số đã quy định cụ thể tại Phụ lục I Thông tư số 09/2021/TT-BTP, đó là nội dung 1 của chỉ tiêu 1 (Lập, đăng tải hoặc niêm yết Danh mục thông tin

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo đúng quy định pháp luật); nội dung 1 của chỉ tiêu 3 (Ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên), chỉ tiêu 4 (Triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở).

- Có 05 nội dung được chấm điểm theo tỷ lệ % kết quả đạt được và được quy định tại Phụ lục I Thông tư số 09/2021/TT-BTP, đó là nội dung 2 của chỉ tiêu 1 (Công khai thông tin đúng thời hạn, thời điểm), nội dung 3 (Công khai thông tin chính xác, đầy đủ), nội dung 4 (Hình thức công khai thông tin đúng quy định pháp luật); nội dung 1 của chỉ tiêu 2 (Cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng thời hạn); nội dung 2 (Cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ); nội dung 3 (Hình thức cung cấp thông tin đúng quy định pháp luật); nội dung 2 của chỉ tiêu 3 (Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch), nội dung 3 (Triển khai các nhiệm vụ phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên); chỉ tiêu 5 (Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về PBGDPL); chỉ tiêu 6 (Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về PBGDPL).

### **TÌNH HUỐNG THUỘC TIÊU CHÍ III HÒA GIẢI VÀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

**61. Trong năm 2023, các tổ hòa giải của xã A đã tiếp nhận 30 vụ việc hòa giải trong đó thực hiện hòa giải thành 25 vụ việc, thực hiện hòa giải đúng quy định pháp luật 23 vụ việc. Đề nghị cho biết đánh giá, chấm điểm đối với xã A về chỉ tiêu thực hiện hòa giải ở cơ sở như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Phụ lục I Thông tư số 09/2021/TT-BTP hướng dẫn cách tính điểm và các mức điểm số của chỉ tiêu về thực hiện hòa giải ở cơ sở như sau:

- Cách tính kết quả hòa giải đúng quy định pháp luật và cách xác định điểm số của chỉ tiêu được dựa vào tỷ lệ % của tổng số vụ, việc đã hòa giải đúng quy định so với tổng số vụ, việc đã tiếp nhận. Theo đó, đạt 100% được 3.5 điểm; từ 90% đến dưới 100% được 2.5 điểm; từ 80% đến dưới 90% được 1.5 điểm; từ 70% đến dưới 80% được 0,5 điểm; từ 50% đến dưới 70% được 0.25 điểm; dưới 50% được tính 0 điểm.

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp các tổ hòa giải của xã A trong năm 2023 đã tiếp nhận 30 vụ, việc hòa giải nhưng có 23 vụ việc thực hiện hòa giải đúng quy định pháp luật thì tỷ lệ đạt 76.7%, do đó xã A được 0.5 điểm.

**62. Cách tính điểm đối với chỉ tiêu về hòa giải thành theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hòa giải thành của cấp xã được căn cứ vào các quy định của pháp luật về hòa giải ở

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

cơ sở. Trên cơ sở đó, chỉ tiêu 1 của tiêu chí 3 theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định yêu cầu và mức điểm đánh giá nhiệm vụ này như sau:

- Kết quả thực hiện hòa giải thành được tính bằng tỷ lệ % của tổng số vụ, việc hòa giải thành so với tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải trong năm đánh giá. Theo đó đạt 100% được 3.5 điểm; từ 90% đến dưới 100% được 2.5 điểm; từ 80% đến dưới 90% được 1.5 điểm; từ 70% đến dưới 80% được 0,5 điểm; từ 50% đến dưới 70% được 0.25 điểm; dưới 50% được tính 0 điểm.

**63. Đề nghị cho biết các tài liệu kiểm chứng phục vụ cho việc đánh giá, xác định kết quả và điểm số của các vụ việc thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Phụ lục I Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định các tài liệu kiểm chứng làm căn cứ xác định kết quả và điểm số của các vụ việc thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở như sau:

- Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở.
- Văn bản hòa giải thành (nếu có).
- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở.
- Báo cáo của Tổ trưởng Tổ hòa giải về tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải.

**64. Cách tính điểm đối với chỉ tiêu hỗ trợ kinh phí cho tổ hòa giải đúng mức chi theo quy định pháp luật được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Đối với nội dung 2 chỉ tiêu 2 của tiêu chí 3 về hỗ trợ kinh phí cho tổ hòa giải đúng định mức chi theo quy định pháp luật, việc đánh giá, chấm điểm được thực hiện như sau:

Cách tính kết quả và điểm số của chỉ tiêu được xác định theo tỷ lệ % của tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định so với tổng số tổ hòa giải trên địa bàn trong năm đánh giá.

Theo đó đạt 100% được 1.5 điểm; từ 90% đến dưới 100% được 01 điểm; từ 80% đến dưới 90% được 0.75 điểm; từ 70% đến dưới 80% được 0,5 điểm; từ 50% đến dưới 70% được 0.25 điểm; dưới 50% được tính 0 điểm.

**65. Trong năm 2023, các tổ hòa giải của xã M đã tiếp nhận, giải quyết 20 vụ, việc hòa giải, trong đó 15 vụ việc được hỗ trợ thù lao hòa giải viên đúng định mức theo quy định. Đề nghị cho biết chỉ tiêu này được chấm điểm như thế nào?**

**Trả lời:**

Đối với nội dung 3 chỉ tiêu 2 của tiêu chí 3 về hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên đúng định mức chi theo quy định pháp luật, việc đánh giá, chấm điểm được thực hiện như sau:

Cách tính kết quả và điểm số của chỉ tiêu được xác định theo tỷ lệ % của tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên đúng định mức chi theo quy định so với tổng số vụ việc hòa giải đã giải quyết trong năm đánh giá.

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Theo đó đạt 100% được 1.5 điểm; từ 90% đến dưới 100% được 01 điểm; từ 80% đến dưới 90% được 0.75 điểm; từ 70% đến dưới 80% được 0,5 điểm; từ 50% đến dưới 70% được 0.25 điểm; dưới 50% được tính 0 điểm

Căn cứ quy định nêu trên, xã M có 15 vụ việc đã giải quyết được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên trong tổng số 20 vụ, việc hòa giải đã giải quyết, theo đó xã M đạt 75% và được 0,5 điểm.

**66. Mô hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả tại cơ sở phải có những điều kiện gì?**

**Trả lời:**

Mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) 100% tổ hòa giải của xã được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên đúng quy định pháp luật hòa giải ở cơ sở.

b) Có hoạt động phối hợp với Tòa án nhân dân cấp huyện, Hội Luật gia cấp huyện, các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật trong tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên hoặc tham gia hỗ trợ hòa giải.

c) Có văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp huyện hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng; trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá, được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình này.

**67. Năm 2023 xã N có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi phòng Tài chính cấp huyện theo thời hạn quy định nhưng không được cấp kinh phí cho công tác**

**này. Vậy xã có được chấm điểm đối với chỉ tiêu này hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại nội dung 1 chỉ tiêu 2 tiêu chí 3 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 09/2021/TT-BTP quy định “Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định” thì được chấm 01 điểm. Như vậy dù không được cấp kinh phí nhưng đã có dự toán theo đúng quy định thì vẫn được chấm 01 điểm cho chỉ tiêu này.

**68. Tài liệu dùng để minh chứng cho chỉ tiêu 2 bao gồm những loại tài liệu nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Thông tư 09/2021/TT-BTP thì tài liệu minh chứng cho nội dung này bao gồm:

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo Dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi phòng Tài chính cấp huyện

- Hồ sơ, tài liệu thực hiện chi kinh phí hỗ trợ tổ hòa giải, hòa giải viên.

- Danh sách tổ hòa giải, hòa giải viên xác nhận được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**69. Đề nghị cho biết các tài liệu kiểm chứng phục vụ đánh giá, chấm điểm chỉ tiêu về trợ giúp pháp lý theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BTP được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**



## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP thì tài liệu kiểm chứng đối với chỉ tiêu này bao gồm:

Danh sách thống kê người thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng mà Ủy ban nhân dân cấp xã có được thông tin theo quy định và người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng đã được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý.

## TÌNH HUỐNG THUỘC TIÊU CHÍ IV THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CẤP XÃ

**70. Khi triển khai chấm điểm đối với chỉ tiêu “Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương” xã N đã gặp khó khăn vì chưa hiểu cách chấm điểm đối với từng mục. Đề nghị phòng Tư pháp giúp đỡ.**

**Trả lời:**

Đây là chỉ tiêu 1 thuộc Tiêu chí 4 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP với điểm số tối đa là 3 điểm. Chỉ tiêu này có 02 nội dung, cách chấm điểm cụ thể như sau:

- Nội dung 1: Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân (điểm số tối đa: 2 điểm): Có tổ chức hội nghị: 2 điểm; Không tổ chức hội nghị: 0 điểm

- Nội dung 2: Thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị theo đúng quy định pháp luật (điểm số tối đa: 1 điểm): Thông báo đúng thời hạn, đúng hình thức: 1 điểm; Không thông báo hoặc có thông báo nhưng không đúng thời hạn hoặc không đúng hình thức: 0 điểm

Tài liệu đánh giá của chỉ tiêu nêu trên bao gồm: (i) Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã về tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân; (ii) Giấy mời hoặc thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị đã được phát trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử; gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo cho

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Nhân dân; (iii) Báo cáo hoặc biên bản về kết quả tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân; hồ sơ, tài liệu phục vụ tổ chức hội nghị.

**71. Cách tính điểm đối với chỉ tiêu “Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn”?**

**Trả lời:**

Đây là chỉ tiêu 2 thuộc Tiêu chí 4 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP với điểm số tối đa là 4 điểm. Cách tính điểm dựa trên tỷ lệ %, cụ thể là:

Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp) x 100

Những nội dung mà pháp luật quy định Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp được quy định tại Điều 15 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, đó là Nhân dân bàn và quyết định về Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn cấp xã, ở thôn, tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức; Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác...

Để chấm điểm chỉ tiêu này cần căn cứ vào: (i) Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã về thực hiện những nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp; (ii) Giấy mời hoặc thông báo họp thôn, tổ dân phố (nếu có); biên bản của thôn, tổ dân phố hoặc bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình về kết quả đã được Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp; (iii) Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp để xác định:

Thứ nhất, xác định tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật

Thứ hai, tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp

Thứ ba, căn cứ tỷ lệ % đạt được để xác định điểm số như sau: Đạt 100%: 4 điểm; Đạt từ 90% đến dưới 100%: 3 điểm; Đạt từ 80% đến dưới 90%: 2 điểm; Đạt từ 70% đến dưới 80%: 1 điểm; Đạt từ 50% đến dưới 70%: 0.25 điểm; Đạt dưới 50%: 0 điểm

**72. Cách tính điểm đối với chỉ tiêu “Tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn”?**

**Trả lời:**

Đây là chỉ tiêu 3 thuộc Tiêu chí 4 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP với điểm số tối đa là 4 điểm. Cách tính điểm dựa trên tỷ lệ %, cụ thể là:

Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, biểu quyết đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết) x 100

Để tính điểm chỉ tiêu này cần căn cứ vào: (i) Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã về thực hiện những nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết; (ii) Giấy mời hoặc thông báo họp thôn, tổ dân phố (nếu có); biên bản của thôn, tổ dân phố hoặc bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình về kết quả đã được Nhân dân bàn, biểu quyết; (iii) Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết để xác định:

Thứ nhất, xác định tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, biểu quyết đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật

Thứ hai, tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết

Thứ ba, căn cứ tỷ lệ % đạt được để xác định điểm số như sau: Đạt 100%: 4 điểm; Đạt từ 90% đến dưới 100%: 3 điểm; Đạt từ 80% đến dưới 90%: 2 điểm; Đạt từ 70% đến dưới 80%: 1 điểm; Đạt từ 50% đến dưới 70%: 0.25 điểm; Đạt dưới 50%: 0 điểm

**73. Khi triển khai chấm điểm đối với chỉ tiêu “Tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn” xã C lúng túng trong việc chấm điểm, vậy cách tính điểm chỉ tiêu này như thế nào đề nghị phòng Tư pháp hướng dẫn.**

**Trả lời:**

Đây là chỉ tiêu 4 thuộc Tiêu chí 4 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông

tư số 09/2021/TT-BTP với điểm số tối đa là 4 điểm. Cách tính điểm dựa trên tỷ lệ %, cụ thể là:

Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân tham gia ý kiến đúng hình thức, yêu cầu và thực hiện tổng hợp, tiếp thu, thông báo việc tổng hợp, tiếp thu ý kiến của Nhân dân theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến) x 100

Những nội dung mà pháp luật quy định Nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định quy định tại Điều 25 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm:

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành, nghề của cấp xã.

2. Dự thảo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

3. Chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án di dân, tái định canh, định cư đối với việc quyết định đầu tư công dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án có quy mô di dân, tái định canh, định cư lớn, dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, dự án có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án.

4. Dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính; dự thảo

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố, ghép cụm dân cư.

5. Dự thảo quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan đến lợi ích cộng đồng, bao gồm quyết định ban hành hoặc phê duyệt chương trình, kế hoạch, dự án, đề án có nội dung tác động đến môi trường, sức khỏe của cộng đồng, trật tự, an toàn xã hội và những vấn đề khác có ảnh hưởng đến cộng đồng.

6. Dự thảo nhiệm vụ và đề án quy hoạch chung xây dựng, dự thảo nhiệm vụ và đề án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.

7. Dự thảo quy chế về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; dự thảo quy chế thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể ở xã, phường, thị trấn (nếu có).

8. Dự thảo quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành là công dân trên địa bàn cấp xã.

9. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật, quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần lấy ý kiến.

Để tính điểm chỉ tiêu này cần căn cứ vào: (i) Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến Nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định; (ii) Văn bản của cơ quan cấp trên chỉ đạo, giao nhiệm vụ lấy ý kiến Nhân dân (nếu có); (iii) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân; (iv) Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung lấy ý kiến Nhân dân để xác định:

Thứ nhất, xác định tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân tham gia ý kiến đúng hình thức, yêu cầu và thực hiện tổng hợp, tiếp thu, thông báo việc tổng hợp, tiếp thu ý kiến của Nhân dân theo quy định pháp luật;

Thứ hai, xác định tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến;

Thứ ba, căn cứ tỷ lệ % đạt được để xác định điểm số như sau: Đạt 100%: 4 điểm; Đạt từ 90% đến dưới 100%: 3 điểm; Đạt từ 80% đến dưới 90%: 2 điểm; Đạt từ 70% đến dưới 80%: 1 điểm; Đạt từ 50% đến dưới 70%: 0.25 điểm; Đạt dưới 50%: 0 điểm

**74. Đề nghị cho biết cách tính điểm đối với chỉ tiêu “Tổ chức để Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của công đồng thực hiện giám sát các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn”?**

**Trả lời:**

Đây là chỉ tiêu 5 thuộc Tiêu chí 4 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP với điểm số tối đa là 5 điểm. Chỉ tiêu này gồm 02 nội dung, cụ thể là:

- Nội dung 1. Các nội dung để Nhân dân giám sát (điểm số tối đa là 4 điểm)

Những nội dung mà pháp luật quy định Nhân dân giám sát được quy định tại Điều 31 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm:

1. Công dân trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua:



## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

a) Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư;

b) Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người dân ở cộng đồng dân cư;

c) Tiếp cận các thông tin được công khai; các thông tin, báo cáo của chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý hoặc thực hiện các nội dung Nhân dân đã bàn và quyết định;

d) Tham dự hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân, hội nghị tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công dân; hội nghị định kỳ và các cuộc họp khác của cộng đồng dân cư.

Tổ chức giám sát từ 04 (bốn) nội dung trở lên: Đạt 4 điểm; Tổ chức giám sát 03 (ba) nội dung: Đạt 3 điểm; Tổ chức giám sát 02 (hai) nội dung: 2 điểm; Tổ chức giám sát 01 (một) nội dung: 1 điểm; Không tổ chức giám sát: 0 điểm

- Nội dung 2. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng (điểm số tối đa là 1 điểm).

Tài liệu đánh giá của chỉ tiêu này bao gồm: (i) Kế hoạch giám sát; (ii) Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng; (iii) Các văn bản, tài liệu được Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp cho Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

**75. Đề nghị cho biết việc đánh giá, chấm điểm chỉ tiêu 1 của tiêu chí 2 “Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ**

**theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn cấp xã được dựa vào các tài liệu cụ thể nào?**

**Trả lời:**

Chỉ tiêu 1 của tiêu chí 2 có 04 nội dung với 06 điểm tối đa, trong đó nội dung 1 (Lập, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo đúng quy định pháp luật) được 01 điểm; nội dung 2 (Công khai thông tin đúng thời hạn, thời điểm) được 1,5 điểm; nội dung 3 (Công khai thông tin chính xác, đầy đủ) được 02 điểm; nội dung 4 (Hình thức công khai thông tin đúng quy định pháp luật) được 1,5 điểm.

Để chấm điểm các nội dung nêu trên, cấp xã cần dựa vào các tài liệu đánh giá quy định tại mục I Phụ lục I Thông tư số 09/2021/TT-BTP, cụ thể như sau:

- Các Danh mục thông tin đã được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành, đăng tải trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử cấp xã hoặc niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc hình thức phù hợp khác.

- Hồ sơ, văn bản, tài liệu phục vụ xây dựng, đăng tải hoặc niêm yết các danh mục thông tin (đường link trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử, lịch phát các tin, bài công khai thông tin được người có thẩm quyền phê duyệt; hình ảnh chụp các bảng niêm yết, công khai thông tin.. ).

- Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc công khai thông

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có).

**76. Tại nội dung 2 của chỉ tiêu 5 thuộc Tiêu chí 4 quy định “Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng” với điểm số tối đa là 1 điểm. Tuy nhiên, trong trường hợp cung cấp kịp thời nhưng không đầy đủ hoặc cung cấp đầy đủ nhưng không kịp thời/chậm các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng” nội dung này được bao nhiêu điểm?**

**Trả lời:**

Điểm số tối đa của nội dung này là 1 điểm. Tuy nhiên, trong trường hợp cung cấp kịp thời nhưng không đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thì được 0.5 điểm; hoặc cung cấp đầy đủ nhưng không kịp thời (chậm) các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thì cũng được 0.5 điểm.

## TÌNH HUỐNG THUỘC TIÊU CHÍ V

**77. Tại điểm d nội dung 1 Chỉ tiêu 1 Tiêu chí 5 Phụ lục I Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định: “Phối hợp, xử lý kịp thời vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung; bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân” thì được 01 điểm. Cách chấm điểm nội dung này trong các tình huống sau đây?**

**Trả lời:**

- Trong năm đánh giá, cấp xã bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân và không có vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung

- Trong năm đánh giá đã phối hợp xử lý kịp thời vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung nhưng không bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân?

Trường hợp trong năm đánh giá không phát sinh vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung và bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân thì vẫn tính điểm tối đa.

Trường hợp có phát sinh vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung và đã phối hợp, xử lý kịp thời mà chưa bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân hoặc ngược lại bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân nhưng chưa phối hợp, xử lý kịp thời vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung thì được 0,5 điểm.

**78. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y trực tiếp tiếp công dân vào ngày 10 hàng tháng. Xin hỏi, xã Y được chấm điểm như thế nào đối với nội dung tại điểm c nội dung 1 Chỉ tiêu 1 Tiêu chí 5 về “Thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm tiếp công dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (ít nhất 01 ngày trong 01 tuần) và tiếp công dân đột xuất (nếu có)”**

**Trả lời:**

Tại điểm d khoản 2 Điều 15 Luật Tiếp công dân năm 2013 quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp phụ trách công tác tiếp công dân ở cấp xã và trực tiếp tiếp công dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã ít nhất 01 ngày trong 01 tuần.

Đối với trường hợp của xã Y, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trực tiếp tiếp công dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã 01 ngày trong 01 tháng là chưa thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm tiếp công dân theo quy định. Như vậy, xã Y bị chấm 0 điểm cho nội dung tại điểm d Nội dung 1 Chỉ tiêu 1 Tiêu chí 5.

**79. Trong năm đánh giá, xã A đã tiếp nhận 20 kiến nghị, phản ánh của người dân, trong đó đã giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn 16 kiến nghị; giải quyết chậm thời hạn 02 kiến nghị và giải quyết không đúng thủ tục 02 kiến nghị. Xin hỏi, xã A được chấm bao nhiêu điểm tại nội dung 2 chỉ tiêu 1 tiêu chí 5 về tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh?**

**Trả lời:**

Tại Phụ lục I Thông tư 09/2021/TT-BTP quy định cách chấm điểm nội dung 2 chỉ tiêu 1 tiêu chí 5 về tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh được xác định theo tỷ lệ % trên cơ sở Tổng số kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số

kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận. Theo đó, có 06 mức điểm tương ứng với các tỷ lệ % về kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh. Đạt 100% được 02 điểm tối đa, các mức điểm tiếp theo được xác định cách nhau 0,5 điểm và cách nhau 10 % tỷ lệ kết quả đạt được; riêng trường hợp đạt từ 50% đến dưới 70% được 0,25 điểm; trường hợp dưới 50% được 0 điểm. Trường hợp, trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh được tính 02 điểm.

Theo đó, chấm điểm đối với nội dung này đối với xã A như sau: Xã A có 16 kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định pháp luật và 04 kiến nghị chưa đảm bảo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, tỷ lệ kết quả tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh đúng quy định pháp luật là  $16/20 \times 100 = 80\%$ , điểm số đạt được là 01 điểm.

**80. Chỉ tiêu 1 của tiêu chí 5 đánh giá chính quyền cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Xin hỏi, căn cứ vào văn bản, quy định nào để đánh giá, xác định kết quả thực hiện chỉ tiêu này?**

**Trả lời:**

Nội dung “Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo” theo chỉ tiêu 1 của Tiêu chí 5 có điểm số tối đa là 02 điểm. Việc chấm điểm được xác định theo tỷ lệ % trên cơ sở kết quả của tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng quy định của pháp luật so với tổng số khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận. Theo đó có 06 mức điểm tương ứng với các tỷ lệ % về kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đạt 100% được 02 điểm tối đa, các mức điểm tiếp theo được xác định cách nhau 0,5 điểm và cách

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

nhau 10 % tỷ lệ kết quả đạt được; riêng trường hợp đạt từ 50% đến dưới 70% được 0,25 điểm; trường hợp dưới 50% được 0 điểm. Trường hợp trong năm đánh giá không có khiếu nại, tố cáo được tính 02 điểm.

Để xác định một khiếu nại, tố cáo cụ thể đã được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định, cần căn cứ vào các văn bản pháp luật quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đó là Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành các luật này. Đây là cơ sở để đánh giá kết quả, trách nhiệm của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo. Ví dụ: Thời hạn giải quyết tố cáo căn cứ vào Điều 21 Luật Tố cáo năm 2018; thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu căn cứ vào Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011.... Tương tự, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo cũng vậy, cần căn cứ vào các quy định cụ thể của pháp luật để đối chiếu, xác định mức độ có tuân thủ đầy đủ, kịp thời hay không

Để chấm điểm đối với nội dung nêu trên, công chức được giao làm đầu mối theo dõi, đánh giá, chấm điểm cần dựa vào sổ theo dõi, tiếp nhận, trả kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo để xác định tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng quy định của pháp luật và tổng số khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Ví dụ: Trong năm đánh giá, xã T đã tiếp nhận, thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền 20 khiếu nại, tố cáo, trong đó có 16 khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng quy định. Vậy, tỷ lệ % =  $(16/20) \times 100 = 80\%$ ; điểm số đạt là 01 điểm.

**81. Chỉ tiêu 2 của Tiêu chí 5 về “Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ**

**tục hành chính”. Xin hỏi cần căn cứ vào văn bản, quy định nào để xác định, chấm điểm chỉ tiêu này?**

**Trả lời:**

Việc đánh giá, chấm điểm chỉ tiêu 2 của Tiêu chí 5 về tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính nhằm đánh giá kết quả, trách nhiệm của chính quyền và công chức cấp xã trong thực thi các quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính; giúp cho chính quyền và công chức cấp xã đề ra được giải pháp phù hợp nhằm khắc phục hạn chế, tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, qua đó góp phần bảo đảm, thực hiện các quyền của công dân trong giải quyết thủ tục hành chính.

Chỉ tiêu này được xác định trên tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết đúng quy định pháp luật so với tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận. Theo đó có 09 mức điểm tương ứng với các mức tỷ lệ % kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Đạt 100% được 07 điểm tối đa, các mức điểm tiếp theo được xác định cách nhau 01 điểm và cách nhau 5% tỷ lệ kết quả đạt được; riêng trường hợp đạt từ 50% đến dưới 70% được 0,25 điểm; trường hợp dưới 50% được 0 điểm.

Để xác định một thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp xã đã được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật, căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật (Bộ luật, Luật, Nghị định, Quyết định, Thông tư...) hướng dẫn thực hiện hoặc có quy định về thủ tục hành chính đó. Đây là cơ sở quan trọng để nhận định, đánh giá mức độ và kết quả giải quyết các thủ tục hành chính.



## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Ví dụ: Khi đánh giá, chấm điểm kết quả giải quyết các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh. Cần phải căn cứ Bộ thủ tục hành chính (thủ tục đăng ký khai sinh đã được công bố), Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ, Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp và đối chiếu với kết quả giải quyết việc này trên thực tế (về trình tự, thủ tục, thời hạn) để xác định tỷ lệ thủ tục hành chính về khai sinh trong năm đã được giải quyết đúng quy định hay chưa.

**82. Tại Phụ lục II Thông tư số 09/2021/TT-BTP quy định chấm điểm Chỉ tiêu 4 tiêu chí 5: Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” được 06 điểm. Xin hỏi, việc xác định xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn, an ninh, trật tự” được căn cứ vào văn bản nào?**

**Trả lời:**

Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” là xã, phường, thị trấn được cơ quan có thẩm quyền công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định tại Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”, cụ thể như sau:

Xã, phường, thị trấn được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” khi đạt đủ các tiêu chí sau:

1. Quý I hằng năm, Đảng ủy có nghị quyết; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có kế hoạch về bảo đảm an ninh, trật tự và đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”; xây

dựng, củng cố hoặc duy trì ít nhất 01 mô hình phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở hoạt động hiệu quả.

2. Đạt các tiêu chí quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 4 Thông tư này.

3. Công an xã, phường, thị trấn chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời tham mưu, đề xuất cấp ủy đảng, chính quyền các chủ trương, biện pháp và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn; không có cá nhân vi phạm bị xử lý kỷ luật.

4. 100% khu dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền hoặc được ủy quyền quản lý trên địa bàn đăng ký, trong đó có từ 70% trở lên được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

Để chấm điểm chi tiêu này, căn cứ vào văn bản công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Nếu trong năm, xã, phường, thị trấn được Ủy ban nhân dân cấp huyện đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” thì được 06 điểm, ngược lại, thì được 0 điểm.

**83. Vào tháng 9 của năm đánh giá, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A bị xử lý kỷ luật Đảng do có hành vi vi phạm khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công vụ. Đề nghị cho biết xem xét điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định một trong những điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

chuẩn tiếp cận pháp luật: “Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự”

Khi xét điều kiện tại quy định này, cần xem xét tới đối tượng vi phạm, hình thức kỷ luật hành vi vi phạm và hành vi vi phạm. Về đối tượng bị xử lý kỷ luật, chỉ xét đối với cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương (bao gồm Bí thư Đảng ủy cấp xã, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã). Về hình thức kỷ luật, phải căn cứ vào Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức. Về hành vi vi phạm, chỉ xét đối với vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ.

Tại khoản 6 Điều 2 Nghị định 112/2020/NĐ-CP quy định: “Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã bị xử lý kỷ luật đảng thì hình thức kỷ luật hành chính phải bảo đảm ở mức độ tương xứng với kỷ luật đảng. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải xem xét, quyết định việc xử lý kỷ luật hành chính”.

Nếu trong năm đánh giá, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A bị xử lý kỷ luật Đảng do có hành vi vi phạm khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công vụ (vi phạm trong thi hành công vụ) thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật đảng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xem xét, quyết định việc xử lý kỷ luật hành chính đối với công chức đó với mức độ tương xứng với kỷ luật Đảng.

Căn cứ vào các quy định nêu trên, xã A không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg.

**84. Trong năm đánh giá xã Y có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã vi phạm pháp luật về hình sự và đã bị khởi tố nhưng chưa đưa ra xét xử và chưa có bản án có hiệu lực pháp luật. Vậy xã Y có đủ điều kiện để xem xét công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hay không?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định một trong các điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật như sau: “Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự”

Căn cứ các quy định của Bộ Luật hình sự 2015, truy cứu trách nhiệm hình sự là buộc người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà họ đã thực hiện. Hay nói cách khác là áp dụng các biện pháp tố tụng hình sự qua các giai đoạn từ khởi tố vụ án, khởi tố bị can, đến điều tra, truy tố và xét xử để buộc người đã có hành vi nguy hiểm cho xã hội mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm phải chịu trách nhiệm về hành vi ấy, tức là phải chịu hình phạt. Người có khả năng nhận thức được hành vi của mình, có khả năng điều khiển được hành vi đó là người có năng lực trách nhiệm hình sự và sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự nếu người đó thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự.

Tại hướng dẫn về tài liệu đánh giá Chỉ tiêu 3 Tiêu chí 5 quy định tại Phụ lục I Thông tư số 09/2021/TT-BTP, quy định căn cứ xác định cán bộ, công chức bị truy cứu trách nhiệm hình sự là

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

Quyết định khởi tố bị can của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật. Do đó khi xét các điều kiện, nếu trong năm đánh giá có cán bộ, công chức cấp xã là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đã có quyết định khởi tố bị can của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật (mặc dù chưa có bản án có hiệu lực pháp luật) thì xã đó không đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**85. Trong năm đánh giá, Bí thư Đảng ủy xã A bị xử lý kỷ luật hành chính với hình thức khiển trách do vi phạm chính sách dân số (sinh con thứ ba). Khi họp đánh giá tại cấp xã, có ý kiến nhận định xã A không đủ điều kiện xét công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định do có công chức là người đứng đầu cấp ủy vi phạm chính sách dân số. Xin hỏi áp dụng điều kiện này đối với xã A như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg quy định một trong các điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật như sau: “Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự”

Đối với trường hợp của xã A, Bí thư Đảng ủy xã bị xử lý kỷ luật hành chính do sinh con thứ ba là vi phạm chính sách dân số, không phải vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ. Vì vậy, xã A vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định 25/2021/QĐ-TTg.

**86. Trong thời gian công tác tại xã A, công chức X đã vi phạm pháp luật nhưng sau khi chuyển công tác sang xã B thì hành vi vi phạm này mới bị phát hiện và xử lý kỷ luật. Xin hỏi, vi phạm của công chức X được tính để đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đối với xã A hay xã B?**

**Trả lời:**

Tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức quy định: “Trường hợp công chức có hành vi vi phạm trong thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ mà khi chuyển sang cơ quan mới mới phát hiện hành vi vi phạm đó và vẫn còn trong thời hiệu xử lý kỷ luật thì cơ quan cũ nơi công chức đã công tác tiến hành xử lý kỷ luật. Hồ sơ, quyết định xử lý kỷ luật phải được gửi về cơ quan nơi công chức đang công tác”.

Căn cứ quy định này, xã A - nơi công chức công tác khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật có trách nhiệm trong việc quản lý công chức, do đó xã A có trách nhiệm tiến hành xử lý kỷ luật công chức và trường hợp này được tính để xác định điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đối với xã A.

**87. Năm 2022, xã T không đáp ứng được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ và bị xử lý kỷ luật cảnh cáo. Thời gian thi hành quyết định kỷ luật đến hết tháng 11/2023. Xin hỏi, trường hợp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T có bị tính là có công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã bị xử lý kỷ luật hành chính trong thi hành công vụ khi xem xét, đánh giá công nhận đạt chuẩn tiếp cận năm 2023 nữa không?**

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

### **Trả lời:**

Về nguyên tắc, một hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần. Do đó, trong trường hợp nêu trên, hành vi vi phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T đã bị xử lý kỷ luật hành chính trong năm 2022 và có hiệu lực kể từ năm 2022 đến hết tháng 11 năm 2023 tức là đã có hiệu lực từ tháng 09 năm 2022 nên thời gian này được tính để xét không đáp ứng điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật vào năm 2022 do đó năm 2023, không tính trường hợp này để xét điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg đối với xã T.

**88. Trong năm 2022, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã K bị tố cáo có hành vi nhận hối lộ và đang trong quá trình điều tra, xác minh nhưng chưa có kết luận chính thức. Xin hỏi, trường hợp này có ảnh hưởng đến điều kiện xét công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận của xã K trong năm đánh giá đó hay không?**

### **Trả lời:**

Khoản 3 Điều 4 Quyết định 25/2021/QĐ-TTg quy định: “Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.”

Xã K có công chức bị tố cáo (Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã là người đứng đầu chính quyền cấp xã) có hành vi nhận hối lộ, đây là hành vi vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ. Tuy nhiên, vụ việc còn đang trong quá trình điều tra, xác minh, chưa có kết luận giải quyết của cơ quan/người có thẩm quyền theo quy định. Vì vậy, về nguyên tắc, trường hợp này chưa tính vào kết quả

và điều kiện đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã K trong năm 2022 theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định 25/2021/QĐ-TTg.

**89. Vào cuối năm, khi tiến hành đánh giá kết quả, điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, xã K phát hiện một công chức trước khi chuyển về xã công tác có vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ và đã bị xử lý kỷ luật cảnh cáo. Xin hỏi, xã K có đủ điều kiện để xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định hay không?**

**Trả lời:**

Khi xem xét điều kiện “trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tước cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra”, cần lưu ý đến thời điểm công chức bị xử lý kỷ luật do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ. Trong trường hợp này, do vi phạm xảy ra và được xử lý trước thời điểm công chức chuyển về xã công tác nên không được tính vào kết quả đánh giá, xét công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã K nên xã không bị ảnh hưởng tới các điều kiện xét, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.



## TÌNH HUỐNG VỀ HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT VÀ NÔNG THÔN MỚI

90. Tháng 3/2023, UBND xã A xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022. Trong báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2022, UBND xã A đánh giá đạt Tiêu chí 16 "Tiếp cận pháp luật" trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 do trong năm 2022 xã A được UBND cấp huyện đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Vậy xã A đánh giá đạt Tiêu chí 16 "Tiếp cận pháp luật" do trong năm 2022 xã A được UBND cấp huyện đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là đúng hay sai? Tại sao?

*Trả lời:*

UBND xã A đánh giá đạt Tiêu chí 16 "Tiếp cận pháp luật" do trong năm 2022 xã A được UBND cấp huyện đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là sai, vì:

Tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 thì Tiêu chí 16 "Tiếp cận pháp luật" trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao có 03 nội dung, đó là: (1) Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận; (2) Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành; (3) Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.

Theo đó, trong báo cáo đánh giá của UBND xã A về Tiêu chí 16 "Tiếp cận pháp luật" thì phải đánh giá kết quả đạt được của 03 nội dung: (1) Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp

luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận; (2) Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành; (3) Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu, chứ không phải đánh giá về kết quả thực hiện cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật như UBND xã A đã đánh giá trong báo cáo.

**91. Năm 2023 nhiều đơn vị cấp huyện và cấp xã khi thực hiện đánh giá huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đã gặp khó khăn trong việc xác định tiêu chí huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Đề nghị Sở Tư pháp hướng dẫn cụ thể.**

**Trả lời:**

Theo quy định tại mục I phần I Quyết định 1723/QĐ-BTP thì Tiêu chí huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gồm có 05 chỉ tiêu sau đây:

1. Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành pháp luật trên địa bàn.

2. Công khai, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin.

3. Ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hàng năm đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật và hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

4. Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo.

5. Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính.

**92. Trong năm 2023 huyện A đạt 03/04 điều kiện công nhận huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Vậy huyện có đạt điều kiện công nhận huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại mục III phần I hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định số 1723/QĐ-TTg thì cấp huyện được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có 100% xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) trên địa bàn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Tổng số điểm của các chỉ tiêu đạt từ 90 điểm trở lên.

3. Tổng số điểm của từng chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên.

4. Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp huyện bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Như vậy huyện A còn thiếu 01 điều kiện nên không đạt huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**93. Khi triển khai tập hợp tài liệu đánh giá huyện đạt chuẩn tiếp cận, huyện B đã không biết cần có những tài liệu nào, đề nghị Sở Tư pháp hướng dẫn cụ thể.**

**Trả lời:**

Theo quy định tại phụ lục nội dung, điểm số, cách tính điểm, tài liệu đánh giá tiêu chí cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ban hành kèm theo Quyết định số 1723/QĐ-BTP thì các tài liệu cần có để đánh giá huyện đạt chuẩn tiếp cận đối với chỉ tiêu 1 “Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành pháp luật trên địa bàn” gồm có:

- Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành trong năm đánh giá, kèm theo các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho chính quyền cấp huyện ban hành văn bản quy phạm pháp luật (nếu có).

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có).

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền kết luận về việc văn bản quy phạm pháp luật của cấp huyện trái pháp luật.

- Văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân do chính quyền cấp huyện ban hành bao gồm Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan đến một số lĩnh vực: đất đai, xây dựng, tài nguyên - môi trường, văn hóa, an sinh - xã hội, hộ tịch; Quyết định của Trưởng Công an cấp huyện trong xử lý vi phạm pháp luật của cá nhân, tổ chức trên địa bàn thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính (nếu có).

**94. Trong hồ sơ tài liệu đánh giá huyện đạt chuẩn tiếp cận đối với chỉ tiêu 2 “Công khai, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin” của xã N không có “ Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin” Như vậy có được chấm điểm tối đa cho chỉ tiêu này hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Phụ lục nội dung, điểm số, cách tính điểm, tài liệu đánh giá tiêu chí cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

## VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CẤP XÃ, HUYỆN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

ban hành kèm theo Quyết định số 1723/QĐ-BTP thì các tài liệu cần có để đánh giá huyện đạt chuẩn tiếp cận đối với chỉ tiêu 2 bao gồm các tài liệu sau:

- Hồ sơ, văn bản, tài liệu phục vụ xây dựng, đăng tải hoặc niêm yết các danh mục thông tin (đường link trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử, lịch phát các tin, bài công khai thông tin được người có thẩm quyền phê duyệt; hình ảnh chụp các bảng niêm yết, công khai thông tin...).

- Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc công khai thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có).

- Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

- Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có).

Như vậy huyện N cần bổ sung “Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin” thì được chấm điểm tối đa.

**95. Trong năm 2023 huyện M ban hành 15/20 tổng số văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao qua kiểm tra các văn bản này đều đúng quy định của pháp luật. Vậy huyện được chấm bao nhiêu điểm cho nội dung này?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Phụ lục nội dung, điểm số, cách tính điểm, tài liệu đánh giá tiêu chí cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

ban hành kèm theo Quyết định số 1723/QĐ-BTP đối với nội dung này điểm số được tính như sau:

Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao (Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ được giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật được tính 09 điểm)

- Đạt 100% chấm 3,5 điểm
- Từ 90% đến dưới 100%: 3 điểm
- Từ 80% đến dưới 90% :2,5 điểm
- Từ 70% đến dưới 80%: 2 điểm
- Từ 60% đến dưới 70%: 1,5 điểm
- Từ 50% đến dưới 60%: 1 điểm
- Dưới 50%: 0 điểm

Như vậy huyện M chỉ được chấm 02 điểm cho nội dung này.

**96. Tại thời điểm đánh giá qua kiểm tra tại địa điểm tiếp công dân của huyện C phát hiện không có nội quy tiếp công dân. Vậy chấm bao nhiêu điểm cho nội dung này?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Phụ lục nội dung, điểm số, cách tính điểm, tài liệu đánh giá tiêu chí cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ban hành kèm theo Quyết định số 1723/QĐ-BTP đối với nội dung này điểm số được tính như sau:

- a) Có nội quy tiếp công dân: 0,5 điểm
- b) Bố trí địa điểm, phân công người tiếp công dân; niêm yết công khai lịch tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tại trụ sở: 0,5 điểm.
- c) Thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật về tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân cấp huyện: 01 điểm.

Như vậy nếu huyện C đạt điểm tối đa đối với nội dung b và c thì được chấm 1,5/2 điểm của nội dung này.

**97. Khi thiết lập hồ sơ tài liệu minh chứng đối với chỉ tiêu 4 “Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo” huyện G do chưa được tập huấn nên đã lúng túng không biết cần có những tài liệu gì. Đề nghị Sở Tư pháp hướng dẫn?**

Theo quy định tại Phụ lục nội dung, điểm số, cách tính điểm, tài liệu đánh giá tiêu chí cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ban hành kèm theo Quyết định số 1723/QĐ-BTP đối với nội dung này tài liệu minh chứng cần có bao gồm:

- Hình ảnh về địa điểm tiếp công dân.
- Nội quy tiếp công dân, lịch tiếp công dân.
- Quyết định hoặc văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Ban tiếp công dân.
- Sổ tiếp công dân hoặc thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân hoặc thông tin trên phần mềm quản lý tiếp công dân.
- Văn bản hướng dẫn, trả lời kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo.
- Báo cáo kết quả về tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo.

**98. Trong năm 2023, huyện Q đã tiếp nhận 4000 hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết và đã giải quyết được 3900 hồ sơ. Vậy điểm chấm cho nội dung này của huyện Q là bao nhiêu?**

**Trả lời**

Theo quy định tại Phụ lục nội dung, điểm số, cách tính điểm, tài liệu đánh giá tiêu chí cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ban hành kèm theo Quyết định số 1723/QĐ-BTP thì cách chấm điểm được tính như sau:

Tỷ lệ % = (Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100

Và điểm số cụ thể được tính như sau:

- a) Đạt 100%
- b) Từ 90% đến dưới 100%: 15 điểm
- c) Từ 80% đến dưới 90%: 12,5 điểm
- d) Từ 70% đến dưới 80%: 10 điểm
- đ) Từ 60% đến dưới 60%: 7,5 điểm
- e) Từ 50% đến dưới 60%: 05 điểm
- g) Dưới 50%: 2,5 điểm

Như vậy số điểm huyện Q được chấm sẽ là:  $(3900:4000) = 97,5\%$  đạt 15 điểm

**99. Khi đánh giá huyện H đối với Chỉ tiêu 5 Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính phát hiện thấy trong hồ sơ không có Sổ theo dõi việc giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trong tình huống này giải quyết như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định Theo quy định tại Phụ lục nội dung, điểm số, cách tính điểm, tài liệu đánh giá tiêu chí cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ban hành kèm theo Quyết định số 1723/QĐ-BTP thì tài liệu minh chứng cho nội dung này được phép lựa chọn một trong hai hình thức đó là:

1. Sổ theo dõi việc giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện

2. Số liệu được trích xuất từ hệ thống thông tin một cửa điện tử (đối với địa phương đã vận hành hệ thống thông tin một cửa điện tử).

Như vậy nếu huyện trích xuất được số liệu từ hệ thống thông tin một cửa điện tử thì hồ sơ vẫn hợp lệ./.





**CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN**

**VŨ THỊ LỆ HẰNG  
GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP**

**BIÊN TẬP  
LƯƠNG HỮU PHƯỚC  
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP**

**TRÌNH BÀY VÀ SỬA BẢN IN  
PHÒNG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT  
VÀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT  
SỞ TƯ PHÁP**

---

*In ..... cuốn, khổ giấy 14,5x20,5 cm. In tại .....,  
thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Giấy phép xuất bản số:  
...../GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông cấp ngày    tháng  
năm 2024 In xong và nộp lưu chiểu năm 2024.*

